

## CH NH S A 6/4/2021

### I U L

i u 30

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, marketing, kế toán tài chính, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là **03** (trực là 02) người

### QUY CH QU NTR N IB

i u 3:

i u 1. Tham quy định nội dung

(Căn cứ quy định tại i u 14 i u 1 Công ty)

1....

2. Tham quy định nội dung bổ sung:

a. HĐQT phải triệu tập họp nội dung công trong thời hạn ~~ba m—i (60)~~ ngày (sáu m i ngày) kể từ ngày s thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên còn lại nh quy định tại m b khoản .....

i u 47 Quy định và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại i u 277 Nghị định 155/2020/N -CP)

1. Thành viên ....

2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại i u 1 Công ty và các nghĩa vụ sau:

a. ...

b. ...

c. ...

d. ...

e. Thông tin công bố thông tin khi thực hiện giao dịch có liên quan của Công ty theo quy định của pháp luật.

~~Thành viên HĐQT—c l p c a công ph i l p báo cáo—ánh giá v—ho t—ng c a H i—ng qu n tr—( b o n này)~~

i u 58. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bổ sung

(Căn cứ quy định tại i u 157 Luật doanh nghiệp s 59/2020/QH14; i u 30 i u 1 Công ty)

1. Chức H i ớng qu n tr tri u t p h p H i ớng qu n tr trong tr ớng h p sau ấy:

a. Có ớng c a Ban ki m soát ~~h o c thành viên c l p H i ớng qu n tr~~; ( b ấu này)

í u 67 Các tí u ban tr c thu c H ỚT

(C n c , í u 31 í u l Công ty)

H i ớng qu n tr có th ớng thành l p tí u ban tr c thu c p h trách v ớng chính sách phát tri n, nhân s , l ớng th ớng, ki m toán n i b , qu n lý r i ro. S l ớng thành viên c a tí u ban do H i ớng qu n tr quy t ớng nh có t i thi u là 03 ~~{02 ng i}~~ bao g m thành viên c a H i ớng qu n tr và thành viên bên ngoài. Các thành viên H i ớng qu n tr không í u hành nên chỉ m a s trong tí u ban

CH NH S A NGÀY 07/4/2021

QUI CH HO T ỚNG C A H ỚT

í u 3. Quy n và ớng a v c a thành viên H i ớng qu n tr

1. ....

2. ...

a) ...

b) ....

c) Báo cáo k p th i, y ớng v i H i ớng qu n tr các kho n thù lao nh n c t các Công ty con, Công ty liên k t và các t ớng c khác; í v i các thành viên c c í đi n theo y quy n tham gia H i ớng thành viên, H i ớng qu n tr , Ban ki m soát ho c í h i ớng c ớng Công ty con, Công ty liên k t và các t ớng c khác p h báo cáo k p th i, y ớng v i H i ớng qu n tr v k t qu ho t ớng và các kho n thù lao nh n c t các Công ty con, Công ty liên k t và các t ớng c khác

H i ớng qu n tr c quy n quy t ớng phân p h i các kho n thù lao nh n c t các Công ty con, Công ty liên k t và các t ớng c khác.

í u 8. Mí n nhi m, bấi nhi m, thay th ớng và b ớng sung thành viên H i ớng qu n tr

1. ....

2. ....

3. ....

4. H i ớng qu n tr p h i tri u t p h p í h i ớng c ớng b u b ớng sung thành viên H i ớng qu n tr trong tr ớng h p sau ấy:

a) S thành viên Hội đồng quản trị bổ nhiệm quá một phần ba số vị trí quy định tại Điều lệ Công ty. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bổ nhiệm quá một phần ba;

b) Trường hợp quy định tại mục a và ~~điểm b~~ khoản này, Hội đồng công bố thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 14. Các tiêu chuẩn giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu chuẩn trực tiếp về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kế toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiêu chuẩn do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người và tối đa là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. ....

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. ...

2. ...

3. ....

4. ....

5. ....

6. ....

7. Chức năng Hội đồng quản trị hoặc nghị quyết phải được thông báo miệng và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát nhằm kiểm tra việc thực hiện của Hội đồng quản trị.

**Thành viên Ban Kiểm soát có quyền đề xuất các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền tham luận nhưng không được biểu quyết.**

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên tham dự. Trường hợp cuộc họp có triệu tập theo quy định tại khoản này không có thành viên tham dự theo quy định thì có triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày đầu tiên họp lần thứ nhất, ~~trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định khác ngoài Điều lệ.~~ (bởi Điều lệ không quy định khác) Trường hợp này, cuộc họp có thể tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị tham dự.

9. ....

10. ....

11. Biểu quyết

a. ....

b. ....

c. ....

d. ....

e. ~~Kiểm soát viên có quy định về chi phí Hội đồng quản trị, có quy định về lương và không chi trả quy định (b do trùng với Khoản 7)~~

## QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Nhiệm vụ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người (~~t 03 n 05 người~~). Nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

## CHI TIẾT

Điều 24. Các thành viên Hội đồng quản trị

1. ....

2. Công hoc nhóm công suất 10% tổng số phần thông tin lên có quy định về thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 1 Công ty. Các công nhân mới công suất thông tin có quy định về quy định của các thành viên Hội đồng quản trị. Công hoc nhóm công nhân mới 10% và 20% tổng số phần có quy định về quy định của công nhân (01) thành viên; t 20% và 30% công suất hai (02) thành viên; t 30% và 40% công suất ba (03) thành viên; t 40% và 50% công suất bốn (04) thành viên; t 50% trở lên ~~đến 60%~~ công suất năm (05) thành viên; ~~t 60% đến 70%~~ công suất sáu (06) thành viên; ~~t 70% đến 80%~~ công suất bảy (07) thành viên; và ~~t 80% đến 90%~~ công suất tám (08) thành viên

Điều 36. Các thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc công, các thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều này. Công nhân mới công suất quy định về quy định của các Kiểm soát viên. Công hoc nhóm công nhân mới 10% và 30% số phần có quy định về quy định của công nhân (01) Kiểm soát viên; t 30% và 40% công suất hai (02) Kiểm soát viên; t 40% ~~trở lên đến 50%~~ công suất ba (03) Kiểm soát viên; ~~t 50% đến 60%~~ công suất bốn (04) Kiểm soát viên ~~t 60% trở lên đến năm (05) thành viên.~~

## QUY CHẾ QUẢN TRỊ

Điều 50. Các thành viên Hội đồng quản trị (Căn cứ quy định tại Điều 274 Nghị quyết 155/2020/N-CP; Khoản 1,2,3 Điều 24 Điều lệ Công ty)

1. Công hoc nhóm công suất 10% tổng số phần vốn góp có quy định các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các công nhân mới phần vốn góp quy định của các thành viên Hội đồng quản trị. Công hoc nhóm công nhân mới 10% nên 20% tổng số phần vốn góp quy định của các thành viên; 20% nên 30% các thành viên hai (02) thành viên; 30% nên 40% các thành viên ba (03) thành viên; 40% nên 50% các thành viên bốn (04) thành viên; 50% trở lên ~~không nên 60%~~ các thành viên năm (05) thành viên; ~~t 60% nên 70% các thành viên sáu (06) thành viên; t 70% nên 80% các thành viên bảy (07) thành viên; và t 80% nên 90% các thành viên tám (08) thành viên.~~

Điều 26 Quy định và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. ....

2. Quy định và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và nội quy công hoc quy định. Các Hội đồng quản trị có nội quy quy định và nghĩa vụ sau:

a) ....

i) Bu, nhiệm vụ, bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, nhiệm vụ, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quy định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của nhân viên quản lý; cử người đi làm theo quy định tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc Hội đồng Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác Công ty khác, quy định mức thù lao và quy định khác của nhân viên;

o) Quy định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ quản trị Công ty sau khi các nội quy công hoc thông qua; quy định ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát toán trừ về Hội đồng quản trị (nếu có), Quy chế công bố thông tin của Công ty;

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----



LIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢI THIỆN CÂY CÀNG

..., ngày ... tháng ... năm 2021

## M C L C

I. NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L .....	5
i u 1. Gi i thích thu t ng .....	5
II. TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N, A I M KINH DOANH, TH I H N HO T NG VÀ NG I I DI N THEO PHÁP LU T C A CÔNG TY.....	6
i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n, a i m kinh doanh và th i h n ho t ng c a Công ty.....	6
i u 3. Ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty.....	6
III. M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY.....	7
i u 4. M c tiêu ho t ng c a Công ty.....	7
i u 5. Ph m vi kinh doanh và ho t ng c a Công ty.....	8
IV. V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P.....	8
i u 6. V n i u l , c ph n, c ông sáng l p.....	8
i u 7. Ch ng nh n c phi u.....	9
i u 8. Ch ng ch ch ng khoán khác.....	10
i u 9. Chuy n nh ng c ph n.....	10
V. C C UT CH C, QU N TR VÀ KI M SOÁT .....	10
i u 10. C c ut ch c, qu n tr và ki m soát.....	10
VI. C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG.....	10
i u 11. Quy n c a c ông.....	10
i u 12. Ngh a v c a c ông.....	12
i u 13. i h i ng c ông.....	13
i u 14. Quy n và ngh a v c a i h i ng c ông.....	14
i u 15. y quy n tham d h p i h i ng c ông.....	15
i u 16. Thay i các quy n.....	16
i u 17. Tri u t p h p, ch ng trình h p và thông báo m i h p i h i ng c ông.....	17
i u 18. Các i u ki n t i n hành h p i h i ng c ông.....	18
i u 19. Th th c t i n hành h p và bi u quy t t i cu ch p i h i ng c ông.....	18
i u 20. i u ki n Ngh quy t c a i h i ng c ông c thông qua.....	20
i u 21. Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua Ngh quy t c a i h i ng c ông.....	21
i u 22. Ngh quy t, Biên b nh p i h i ng c ông.....	23
i u 23. Yêu c u h y b Ngh quy t c a i h i ng c ông.....	24
VII. H I NG QU N TR .....	25

điều 24.  ng c ,  c thành viên H i  ng qu n tr .....	25
điều 25. Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i  ng qu n tr .....	26
điều 26. Quy n h n và ngh a v c a H i  ng qu n tr .....	26
điều 27. Thù lao, th  ng và l i ích khác c a thành viên H i  ng qu n tr .....	27
điều 28. Ch t ch H i  ng qu n tr .....	28
điều 29. Cu c h p c a H i  ng qu n tr .....	29
điều 30. Các ti u ban thu c H i  ng qu n tr .....	32
điều 31. Ng i ph trách qu n tr Công ty.....	32
<b>VIII.  T NG GIÁM  C VÀ NG  I I U HÀNH KHÁC .....</b>	<b>33</b>
điều 32. T ch c b máy qu n lý.....	33
điều 33. Ng i i u hành Doanh nghi p.....	33
điều 34. B nhi m, mi n nhi m, quy n và ngh a v c a T ng Giám  c .....	33
điều 35. Th ký Công ty.....	34
<b>IX. BAN KI M SOÁT.....</b>	<b>34</b>
điều 36.  ng c ,  c thành viên Ban ki m soát (Ki m soát viên) .....	34
điều 37. Thành ph n Ban Ki m soát.....	35
điều 38. Tr ng Ban ki m soát.....	35
điều 39. Quy n và ngh a v c a Ban ki m soát.....	36
điều 40. Cu c h p c a Ban ki m soát.....	37
điều 41. Ti n l  ng, thù lao, th  ng và l i ích khác c a thành viên Ban ki m soát.....	37
<b>X.  TRÁCH NHI M C A THÀNH VIÊN H I  NG QU N TR , THÀNH VIÊN BAN KI M SOÁT, T NG GIÁM  C VÀ NG  I I U HÀNH KHÁC.....</b>	<b>37</b>
điều 42. Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i.....	37
điều 43. Trách nhi m v thi th i và b i th ng .....	39
<b>XI. QUY N TRA C U S SÁCH VÀ H S CÔNG TY .....</b>	<b>39</b>
điều 44. Quy n tra c u s sách và h s .....	39
<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG  OÀN .....</b>	<b>40</b>
điều 45. Công nhân viên và công  oàn .....	40
<b>XIII.  PHÂN PH I L I NHU N.....</b>	<b>40</b>
điều 46. Phân ph i l i nhu n.....	40
<b>XIV.  TÀI KHO N NGÂN HÀNG, N M TÀI CHÍNH VÀ CH  K TOÁN.....</b>	<b>41</b>
điều 47. Tài kho n ngân hàng.....	41
điều 48. N m tài chính .....	41
điều 49. Ch  k toán.....	41



XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO TH  NG NIÊN VÀ TRÁCH NHI M CÔNG B  THÔNG TIN .....	41
i u 50. Báo cáo tài chính n m, bán niên và quý .....	41
i u 51. Báo cáo th  ng niên .....	42
XVI.    KI M TOÁN CÔNG TY.....	42
i u 52. Ki m toán.....	42
XVII.    D U C A DOANH NGHI P.....	42
i u 53. D u c a doanh nghi p.....	42
XVIII.    GI I TH  CÔNG TY .....	42
i u 54. Gi i th  Công ty.....	42
i u 55. Thanh lý .....	43
XIX.    GI I QUY T TRANH CH P N I B .....	43
i u 56. Gi i quy t tranh ch p n i b .....	43
XX. B  SUNG VÀ S A    I I U L .....	44
i u 57.    i u l Công ty.....	44
XXI.    NGÀY HI U L C.....	44
i u 58. Ngày hi u l c .....	44

## PH N M U

i u l này c thông qua theo Ngh quy t c a i h i ng c ông Công ty c ph n C p thoát n c Lâm ng s ... ngày 28 tháng 4 n m 2021

### I. NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L

i u l.Gi i thích thu t ng

1. Trong i u l này, nh ng thu t ng d i ây c hi u nh sau:

- a) LAWACO là Công ty C ph n C p thoát n c Lâm ng (“Công ty”);
- b) V n i u l là t ng m nh giá c ph n ã bán ho c c ng ký mua khi thành l p Công ty c ph n và theo quy nh t i i u 6 i u l này;
- c) Lu t Doanh nghi p là Lu t Doanh nghi p s 59/2020/QH14 c Qu c h i n c C ng hòa Xã h i Ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 17 tháng 6 n m 2020;
- d) Lu t Ch ng khoán là Lu t Ch ng khoán s 54/2019/QH14 c Qu c h i n c C ng hòa Xã h i Ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 26 tháng 11 n m 2019;
- e) Vi t Nam là n c C ng hòa Xã h i Ch ngh a Vi t Nam;
- f) Ngày thành l p là ngày Công ty c c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p (Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh và các gi y t có giá tr t ng ng) l n u;
- g) Ng i i u hành doanh nghi p T ng Giám c, Phó T ng Giám c, K toán tr ng và ng i i u hành khác do H i ng qu n tr b nhi m;
- h) Ng i qu n lý doanh nghi p là ng i qu n lý Công ty, bao g m Ch t ch H i ng qu n tr, thành viên H i ng qu n tr, T ng Giám c và cá nhân gi ch c danh qu n lý khác do i h i ng c ông ho c H i ng qu n tr b nhi m;
- i) Ng i có liên quan là cá nhân, t ch c c quy nh t i kho n 46 i u 4 Lu t Ch ng khoán;
- j) C ông là cá nhân, t ch c s h u ít nh t m t c ph n c a Công ty c ph n;
- k) C ông sáng l p là c ông s h u ít nh t m t c ph n ph thông và ký tên trong danh sách c ông sáng l p Công ty c ph n;
- l) Th i h n ho t ng là th i gian ho t ng c a Công ty c quy nh t i i u 2 i u l này và th i gian gia h n (n u có) c i h i ng c ông c a Công ty thông qua;
- m) S giao d ch ch ng khoán là S giao d ch ch ng khoán Vi t Nam và các Công ty con.

2. Trong i u l này, các tham chi u t i m t ho c m t s quy nh ho c v n b n khác bao g m c nh ng s a i, b, sung ho c v n b n thay th .

3. Các tiêu (M c, i u c a i u l này) c s d ng nh m thu n ti n cho vi c hi u n i dung và không nh h ng t i n i dung c a i u l này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ÁI M KINH DOANH, THỊ HỖN HỢT NG C A NG I ĐẠI N THEO PHÁP LU T C A CÔNG TY

ii u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n, a i m kinh doanh và th i h n ho t ng c a Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty vi t b ng ti ng Vi t: CÔNG TY C PH N C P THOÁT N C LÂM NG
- Tên Công ty vi t b ng ti ng n c ngoài: LAM DONG WATER SUPPLY AND SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY
- Tên Công ty vi t t t: LAWACO

2. Công ty là Công ty c ph n có t cách pháp nhân phù h p v i pháp lu t hi n hành c a Vi t Nam

3. Tr s ng ký c a Công ty:

- a ch tr s chính: s 50 Hùng v ng, Ph ng 9, thành ph à L t, t nh Lâm ng
- i n tho i: (0263) 3834304 – (0263) 3822240
- Fax: (02633) 824050
- E-mail: ctycapnuocldg@vnn.vn
- Website: [www.lawaco.com](http://www.lawaco.com)

4. Công ty có th thành l p chi nhánh và v n phòng i di n t i a bàn kinh doanh th c hi n các m c tiêu ho t ng c a Công ty phù h p v i quy t nh c a H i ng qu n tr và trong ph m vi lu t pháp cho phép.

5. Th i h n ho t ng c a Công ty là vô th i h n.

ii u 3. Ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty

Công ty có (02) ng i i di n theo pháp lu t, là: Ch t ch H i ng qu n tr và T ng Giám c.

Ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty là cá nhân i di n cho Công ty th c hi n các quy n và ngh a v phát sinh t giao d ch c a Công ty, i di n cho Công ty v i t cách nguyên n, b n, ng i có quy n l i, ngh a v liên quan tr c Tr ng tài, Tòa án. Trách nhi m c a ng i i di n theo pháp lu t th c hi n theo ii u 13 c a Lu t Doanh nghi p và các quy n, ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t hi n hành.

Ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty ph i c trú Vi t Nam; và ph i y quy n b ng v n b n cho ng i khác th c hi n quy n và ngh a v c a ng i i di n theo pháp lu t t i Công ty khi xu t c nh kh i Vi t Nam.

Tr ng h p h th n y quy n mà ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty ch a tr l i Vi t Nam và không có y quy n khác thì ng i c y quy n v n ti p t c th c hi n các quy n và ngh a v c a ng i i theo pháp lu t c a Công ty trong ph m vi ã c

Quy định cho nhân viên đi làm theo pháp luật của Công ty là làm việc, hoặc cho nhân viên HQT quy định khác thay thế.

Trường hợp vắng mặt vì tuổi Nam quá 30 ngày mà không quy định cho nhân viên khác thực hiện các quy định và nhiệm vụ của nhân viên đi làm theo pháp luật của Công ty thì HQT sẽ quy định khác thay thế.

Quy định và nghĩa vụ của nhân viên đi làm theo pháp luật:

Nhiệm vụ đi làm chính là Chức vụ Hưởng quyền có các quy định và nghĩa vụ sau:

- Lập kế hoạch trình, kế hoạch hoạt động của Hưởng quyền;
- Chức năng nghiệp vụ, nội dung, tài liệu phục vụ chức vụ; tri thức và chất lượng của Hưởng quyền;
- Thực hiện công việc thông qua quy định của Hưởng quyền;
- Giám sát quá trình thực hiện các quy định của Hưởng quyền;
- Chất lượng công việc, công suất Hưởng quyền;
- Quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quy định tiền lương và quy định khác về vị trí Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Thủ quỹ Công ty.

Nhiệm vụ đi làm thứ hai là Tổng Giám đốc có các quy định và nghĩa vụ sau:

- Quy định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quy định của Hưởng quyền;
- Thực hiện các quy định của Hưởng quyền;
- Thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiểm định phương án đầu tư, quy định quản lý nhân sự của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hưởng quyền;
- Quy định tiền lương và quy định khác về lương trong Công ty kể cả quy định quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiểm định phương án trả lương cho các nhân viên trong kinh doanh;
- Quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định của Hưởng quyền.

### III. MỨC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HỒ TÍNH NGÀNH CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là:

3600 (Chính)	Khai thác, xử lý và cung cấp than
4322	Lắp đặt, vận hành, bảo trì, sửa chữa, vận hành và vận hành lò hơi công nghiệp

7110	<p>Ho t ng ki n trúc và t v n k thu t có liên quan</p> <p>Chi ti t: T v n thi t k công trình xây d ng dân d ng, công trình c p thoát n c, giám sát thi công công trình xây d ng. Giám sát công trình dân d ng, công nghi p, c p thoát n c, th y l i. L p d án u t xây d ng công trình, th m tra d án u t , ánh giá tác ng môi tr ng. Thi t k d toán công trình xây d ng dân d ng, công nghi p, c p thoát n c, th y l i.</p>
3700	Thoát n c và x lý n c th i
1104	<p>S n xu t u ng không c n, n c khoáng</p> <p>Chi ti t: S n xu t n c u ng óng chai.</p>
4663	<p>Bán buôn v t li u, thi t b l p t khác trong xây d ng</p> <p>Chi ti t: Bán buôn kính ph ng, ng kim và khóa, ng n i, kh p n i, chi ti t l p ghép khác, bình un n c, thi t b v sinh nh : b n t m, ch u r a, b xí, s v sinh khác, thi t b l p t v sinh nh : ng, ng d n, kh p n i, vòi, cút ch T, ng cao su; d ng c c m tay: búa, c a, tua vít, d ng c m tay khác.</p>
4752	<p>Bán l ng kim, s n, kính và thi t b l p t khác trong xây d ng trong các c a hàng chuyên doanh</p> <p>Chi ti t: Kinh doanh các lo i v t t , thi t b c p thoát n c.</p>

2. M c tiêu ho t ng c a [Công ty](#) là xây d ng và gi v ng th ng hi u, ng th i m r ng và phát tri n ng b các l nh v c ho t ng khác mà LAWACO ang có u th , t o n n t ng phát tri n m t cách n nh, lâu dài và v ng ch c, t i a hóa l i nhu n, m b o quy n l i h p pháp cho các c ông, làm tròn ngh a v i v i Nhà n c.

i u 5. Ph m vi kinh doanh và ho t ng c a [Công ty](#)

[Công ty](#) c phép ti n hành ho t ng kinh doanh theo [các](#) ngành ngh [quy nh t i i u l này](#) ã [ng ký, thông báo thay i n i dung ng ký v i c quan ng ký kinh doanh và ã](#) công b trên C ng thông tin ng ký doanh nghi p qu c gia.

#### IV. V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P

i u 6. V n i u l , c ph n, c ông sáng l p

1. V n i u l c a Công ty là 788.0000.000.000 VND ng (b ng ch : B y tr m tám m i tám t ng)

Tổng số vốn của [Công ty](#) chia thành 78.800.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

[2. Công ty](#) có thể thay đổi vốn khi cần thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3.](#) Các cổ phần của [Công ty](#) vào ngày thông qua điều này là cổ phần phổ thông. Các quy định và nghĩa vụ của công nhân viên công ty như tại điều [12](#), điều [13](#) điều này.

[4. Công ty](#) có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và phù hợp với các quy định của pháp luật.

[5. Công ty](#) sẽ chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Công nhân Lâm nghiệp nên không có công suất sản xuất.

Cổ phần phổ thông phải ưu tiên chào bán cho các công nhân theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần phổ thông của họ trong [Công ty](#), trừ trường hợp Hội đồng quản trị khác, số cổ phần công nhân không ký mua hết do Hội đồng quản trị của [Công ty](#) quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho công nhân và người khác với điều kiện không thu lợi nhuận so với những người khác chào bán cho các công nhân trừ trường hợp [trừ trường hợp ưu đãi](#) công nhân có chấp thuận khác hoặc pháp luật về kế toán có quy định khác.

[6. Công ty](#) có thể mua cổ phần do chính [Công ty](#) đã phát hành theo những cách thức quy định trong điều này và pháp luật hiện hành.

[7. Công ty](#) có thể phát hành các loại kế toán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chế độ nhân viên

[1.](#) Công nhân của [Công ty](#) sẽ chấp hành chế độ tiền lương và các phúc lợi.

[2.](#) Chế độ là loại kế toán xác định quy định và lợi ích pháp lý của người sử dụng và vốn của công nhân của [tổng công ty](#). Chế độ phải có ý nghĩa các nội dung theo quy định tại khoản 1 điều [121](#) Luật [Doanh nghiệp](#).

[3.](#) Trong thời hạn [\[15 ngày\]](#) kể từ ngày nộp hồ sơ chuyển quy định số cổ phần theo quy định của [Công ty](#) hoặc trong thời hạn [\[02 tháng\]](#) kể từ ngày thanh toán tiền mua cổ phần theo quy định thì phải lập kế hoạch phát hành cổ phần của [Công ty](#) (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sử dụng số cổ phần chấp hành chế độ nhân viên. Người sử dụng số cổ phần không phải trả cho [Công ty](#) chi phí in chế độ nhân viên.

[4.](#) Trường hợp chế độ nhân viên bị hủy bỏ hoặc thay đổi hình thức khác thì công nhân của Công ty phải chấp hành theo quy định của công nhân. Quy định của công nhân phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cơ cấu vốn, hình thức tổ chức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc lập phiếu.

Điều 8. Chức năng khác

Chức năng trái phiếu hoặc chức năng khác của Công ty có phát hành có chứng khoán này sẽ tuân theo pháp luật và điều kiện của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng

1. Tất cả các phần chuyển nhượng khi điều này và pháp luật có quy định khác, cơ cấu vốn, ký giao dịch trên Sổ giao dịch chứng khoán của chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Các phần của thanh toán và không chuyển nhượng và hình thức quy định liên quan như quy định về các quy định về phiếu phát hành và các quy định khác theo quy định của pháp luật.

## V. CẤU TRÚC, QUẢN TRỊ VÀ KẾ TOÁN

Điều 10. Cấu trúc, quản trị và kế toán

Cấu trúc, quản trị và kế toán của Công ty bao gồm:

1. Hội đồng.
2. Hội đồng quản trị, Ban kế toán.
3. Tổng Giám đốc.

## VI. CÔNG VÀ HỒI NG CÔNG

Điều 11. Quy định về công

1. Công phải có các quy định sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp hội đồng và thực hiện quy định về quy trình tiếp nhận thông qua nguyên nhân theo quy định hoặc hình thức khác do Điều 1 Công ty, pháp luật quy định. Mọi phần thông tin phiếu quy định;

b) Nhận xét và ý kiến theo quy định của hội đồng;

c) Ưu tiên mua phần mới phát hành với lưu ý phần thông cat công trong Công ty;

d) Tất cả chuyển nhượng của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách công có quy định quy định; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chép điều Công ty, biên bản họp hội đồng và Nghị quy định hội đồng;

g) Khi Công ty ghi i th h o c phá s n, c nh n m t ph n tài s n còn l i t ng ng v i t l s h u c ph n t i Công ty;

h) Yêu c u Công ty mua l i c ph n trong các tr ng h p quy nh t i i u 132 Lu t Doanh nghi p;

i) c i x bình ng. M i c ph n c a cùng m t lo i u t o cho c ông s h u các quy n, ngh a v và l i ích ngang nhau. Tr ng h p Công ty có các lo i c ph n u ãi, các quy n và ngh a v g n li n v i các lo i c ph n u ãi phi c i h i ng c ông thông qua và công b y cho c ông;

j) c t i p c n y thông tin nh k và thông tin b t th ng do Công ty công b theo quy nh c a pháp lu t;

k) c b o v các quy n, l i ích h p pháp c a mình; ngh ình ch , h y b ngh quy t, quy t nh c a i h i ng c ông. H i ng qu n tr theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p;

l) Các quy n khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l này.

2. C ông ho c nhóm c ông s h u t 05% t ng s c ph n ph thông tr lên có các quy n sau:

a) Yêu c u H i ng qu n tr th c hi n vi c t r i t p h p i h i ng c ông theo các quy nh t i kho n 3 i u 115 và i u 140 Lu t Doanh nghi p;

b) Xem xét, tra c u, trích l c s biên b n và ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr , báo cáo tài chính bán niên và h ng n m, báo cáo c a Ban ki m soát, h p ng, giao d ch ph i thông qua H i ng qu n tr và tài li u khác, tr tài li u liên quan n bí m t th ng m i, bí m t kinh doanh c a Công ty;

c) Yêu c u Ban ki m soát ki m tra t ng v n c th liên quan n qu n lý, i u hành ho t ng c a Công ty khi xét th y c n thi t. Yêu c u ph i b ng v n b n và ph i bao g m các n i dung sau ây: h , tên, a ch liên l c, qu c t ch, s gi y t pháp lý c a cá nhân i v i c ông là cá nhân; tên, mã s doanh nghi p ho c s gi y t pháp lý c a t ch c, a ch tr s chính i v i c ông là t ch c; s l ng c ph n và th i i m ng ký c ph n c a t ng c ông, t ng s c ph n c a c nhóm c ông và t l s h u trong t ng s c ph n c a Công ty; v n c n ki m tra, m c ích ki m tra;

d) Ki n ngh v n a vào ch ng trình h p i h i ng c ông. Ki n ngh ph i b ng v n b n và c g i n Công ty ch m nh t là 03 ngày làm vi c tr c ngày khai m c, Ki n ngh ph i ghi rõ tên c ông, s l ng t ng lo i c ph n c a c ông, v n ki n ngh a vào ch ng trình h p;

e) Các quy n khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l này.

3. C ông ho c nhóm c ông s h u t 10% t ng s c ph n ph thông tr lên có quy n c ng i vào H i ng qu n tr , Ban ki m soát. Vi c c ng i vào H i ng qu n tr và Ban ki m soát th c hi n nh sau:

a) Các c ông ph thông h p thành nhóm c ng i vào H i ng qu n tr và Ban ki m soát ph i thông báo v vi c h p nhóm cho các c ông đ h p b i t tr c khi khai m c i h i ng c ông;



b) Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, công ho c nhóm công quy nh t i kho n này c quy n c m t ho c m t s ng i theo quy t nh c a i h i ng c ông làm ng c viên H i ng qu n tr và Ban ki m soát. Tr ng h p s ng c viên c c ông ho c nhóm c ông c th p h n s ng c viên mà h c quy n c theo quy t nh c a i h i ng c ông thì s ng c viên còn l i do H i ng qu n tr , Ban ki m soát và các c ông khác c .

đ i u 12. Ngh a v c a c ông

C ông ph thông có các ngh a v sau:

1. Thanh toán và úng th i h n s c ph n cam k t mua.

2. Không c rút v n ã góp b ng c ph n ph thông ra kh i Công ty đ i m i hình th c, tr tr ng h p c Công ty ho c ng i khác mua l i c ph n. Tr ng h p có c ông rút m t ph n ho c toàn b v n c ph n ã góp trái v i quy nh t i kho n này thì c ông ó và ng i có l i ích liên quan trong Công ty ph i cùng liên i ch u trách nhi m v các kho n n và ngh a v tài s n khác c a Công ty trong ph m vi giá tr c ph n ã b rút và các thi t h i x y ra.

3. Tuân th i u l Công ty và Quy ch qu n lý n i b c a Công ty.

4. Ch p hành Ngh quy t, quy t nh c a i h i ng c ông, H i ng qu n tr .

5. B o m t các thông tin c Công ty cung c p theo quy nh t i i u l Công ty và pháp lu t; ch s đ ng thông tin c cung c p th c hi n và b o v quy n và l i ích h p pháp c a mình; nghiêm c m phát tán ho c sao, g i thông tin c Công ty cung c p cho t ch c, cá nhân khác.

6. Tham đ cu c h p i h i ng c ông và th c hi n quy n bi u quy t/b u c thông qua các hình th c sau:

- a) Tham đ và bi u quy t/b u c tr c ti p t i cu c h p;
- b) y quy n cho cá nhân, t ch c khác tham đ và bi u quy t/b u c t i cu c h p;
- c) Tham đ và bi u quy t/b u c thông qua h i ngh tr c tuy n, b phi u i n t ho c hình th c i n t khác;
- d) G i phi u bi u quy t/b u c n cu c h p thông qua th , fax, th i n t ;

7. Ch u trách nhi m cá nhân khi nhân danh Công ty đ i m i hình th c th c hi n m t trong các hành vi sau ây:

- a) Vi ph m pháp lu t;
- b) Ti n hành kinh doanh và các giao d ch khác t l i ho c ph c v l i ích c a t ch c, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các kho n n ch a n h n tr c các r i ro tài chính i v i Công ty.

8. Hoàn thành các ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t hi n hành.

i u 13. i h i ng c ông

1. i h i ng c ông g m t t c c ông có quy n bi u quy t, là c quan quy t nh cao nh t c a Công ty. i h i ng c ông h p th ng niên m i n m m t l n và trong th i h n b n (04) tháng k t ngày k t thúc n m tài chính. Tr tr ngh p i u l Công ty có quy nh khác, H i ng qu n tr quy t nh gia h n h p i h i ng c ông th ng niên trong tr ng h p c n thi t, nh ng không quá 06 tháng k t ngày k t thúc n m tài chính. Ngoài cu c h p th ng niên, i h i ng c ông có th h p b t th ng. a i m h p i h i ng c ông c xác nh là n i ch t a tham d h p và ph i trên lãnh th Vi t Nam.

2. H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ông th ng niên và l a ch n a i m phù h p. i h i ng c ông th ng niên quy t nh nh ng v n theo quy nh c a pháp lu t và i u l Công ty, c bi t thông qua báo cáo tài chính n m c ki m toán. Tr ng h p Báo cáo ki m toán báo cáo tài chính n m c a Công ty có các kho n ngo i tr tr ng y u, y ki n ki m toán trái ng c ho c t ch i, Công ty ph i m i i di n t ch c ki m toán c ch p thu n th c hi n ki m toán báo cáo tài chính c a Công ty đ h p i h i ng c ông th ng niên và i di n t ch c ki m toán c ch p thu n nêu trên có trách nhi m tham d h p i h i ng c ông th ng niên c a Công ty.

3. H i ng qu n tr ph i tri u t p h p i h i ng c ông b t th ng trong các tr ng h p sau:

- a) H i ng qu n tr xét th y c n thi t vì l i ích c a Công ty;
- b) S l ng thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát còn l i ít h n s l ng thành viên t i thi u theo quy nh c a pháp lu t;
- c) Theo yêu c u c a c ông ho c nhóm c ông quy nh t i kho n 2 i u 115 c a Lu t Doanh nghi p; yêu c u tri u t p h p i h i ng c ông ph i c th hi n b ng v n b n, trong ó nêu rõ lý do và m c ích cu c h p, có ch ký c a các c ông liên quan ho c v n b n yêu c u c l p thành nhi u b n và t p h p ch ký c a các c ông có liên quan;
- d) Theo yêu c u c a Ban ki m soát;
- e) Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l này.

4. Tri u t p h p i h i ng c ông b t th ng

a) H i ng qu n tr ph i tri u t p h p i h i ng c ông trong th i h n [60 ngày] k t ngày s thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban Ki m soát còn l i nh quy nh t i i m b kho n 3 i u này ho c nh n c yêu c u quy nh t i i m c và i m d kho n 3 i u này.

b) Tr ng h p H i ng qu n tr không tri u t p h p i h i ng c ông theo quy nh t i i m a kho n 4 i u này thì trong th i h n 30 ngày ti p theo, Ban ki m soát thay th H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ông theo quy nh t i kho n 3 i u 140 Lu t Doanh nghi p;

c) Tr ng h p Ban ki m soát không tri u t p h p i h i ng c ông theo quy nh t i i m b kho n 4 i u này thì c ông ho c nhóm c ông quy nh t i i m c kho n 3 i u

này có quy n yêu c u i di n Công ty tri u t p h p i h i ng c ông theo quy nh t i Lu t Doanh nghi p;

(Trong tr ñng h p này, c ông ho c nhóm c ông tri u t p h p i h i ng c ông có th ñng C quan ñng ký kinh doanh giám sát trình t , th t c tri u t p, t i n hành h p và ra quy t nh c a i h i ng c ông. T t c chi phí cho vi c tri u t p và t i n hành h p i h i ng c ông c Công ty hoàn l i. Chi phí này không bao g m nh ñng chi phí do c ông chi tiêu khi tham d cu c h p i h i ng c ông, k c chi phí n và i l i.)

d) Th t c t ch c h p i h i ng c ông theo quy nh t i kho n 5 i u 140 Lu t Doanh nghi p.

i u 14. Quy n và ng h a v c a i h i ng c ông

1. i h i ng c ông có quy n và ng h a v sau:

- a) Thông qua nh h ñng phát tri n c a Công ty;
- b) Quy t nh lo i c ph n và t ñng s c ph n c a t ñng lo i c quy n chào bán; quy t nh m c c t ch ñng n m c a t ñng lo i c ph n;
- c) B u. mi n nhi m, bãi nhi m thành viên H i ñng qu n tr , thành viên Ban ki m soát;
- d) Quy t nh u t ho c bán s tài s n có giá tr t 35% t ñng giá tr tài s n tr lên c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t c a Công ty;
- e) Quy t nh s a i, b sung i u l Công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính h ñng n m;
- g) Quy t nh mua l i trên 10% t ñng s c ph n ã bán c a m i lo i;
- h) Xem xét, x lý vi ph m c a thành viên H i ñng qu n tr , thành viên Ban ki m soát gây thi t h i cho Công ty và c ông Công ty;
- i) Quy t nh t ch c l i, gi i th Công ty;
- j) Quy t nh ngân sách ho c t ñng m c thù lao, th ñng và l i ích khác cho H i ñng qu n tr , Ban ki m soát;
- k) Phê duy t/ S a i, b sung Quy ch qu n tr n i b ; Quy ch ho t ñng H i ñng qu n tr , Ban ki m soát;
- l) Phê duy t danh sách Công ty ki m toán c ch p thu n; quy t nh Công ty ki m toán c ch p thu n th c hi n ki m tra ho t ñng c a Công ty, bãi mi n ki m toán viên c ch p thu n khi xét th y c n thi t;
- m) Quy n và ng h a v khác theo quy nh pháp lu t.

2. i h i ng c ông th o lu n và thông qua các v n sau:

- a) K ho ch kinh doanh h ñng n m c a Công ty;
- b) Báo cáo tài chính h ñng n m ã c ki m toán;
- c) Báo cáo c a H i ñng qu n tr v qu n tr và k t qu ho t ñng c a H i ñng qu n tr và t ñng thành viên H i ñng qu n tr ;
- d) Báo cáo c a Ban ki m soát v k t qu kinh doanh c a Công ty, k t qu ho t ñng c a H i ñng qu n tr , T ñng Giám c;
- e) Báo cáo t ánh giá k t qu ho t ñng c a Ban ki m soát và thành viên Ban ki m soát;

- f) M c c t c i v i m i c p h n c a t n g l o i;
- g) S l ñ ng thành viên H i ñ ng qu n tr , Ban ki m soát;
- h) B u, mi n nhi m, bã nhi m thành viên H i ñ ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát;
- i) Quy t ñ nh ngân sách ho c t n g m c thù lao, th ñ ng và l i ích khác i v i H i ñ ng qu n tr , Ban ki m soát;
- j) Phê duy t danh sách Công ty ki m toán c ch p thu n; quy t ñ nh Công ty ki m toán c ch p thu n th c hi n ki m tra các ho t ñ ng c a Công ty khi xét th y c n thi t;
- k) B sung và s a i i u l Công ty;
- l) Lo i c p h n và s l ñ ng c p h n m i c phát hành i v i m i lo i c p h n và vi c chuy n nh ñ ng c p h n c a thành viên sáng l p trong vòng 03 n m u tiên k t ñ ngày thành l p;
- m) Chia, tách, h p nh t, sáp nh p ho c chuy n i Công ty;
- n) T ch c l i và gi i th (thanh lý) Công ty và ch ñ nh ng i thanh lý;
- o) Quy t ñ nh u t ho c bán s tài s n có giá tr t 35% t ñ ng giá tr tài s n tr ñ lên c ghi trong Báo cáo tài chính g n nh t c a Công ty;
- p) Quy t ñ nh mua l i trên 10% t ñ ng s c p h n ã bán c a m i lo i;
- q) Công ty ký k th p ñ ng, giao d ch v i ñ nh ng i t ñ ng c quy nh t i kho n l i u 167 Lu t Doanh ñ ghi p v i giá tr b ñ ng ho c l n h n 35% t ñ ng giá tr tài s n c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t;
- r) Ch p thu n các giao d ch quy ñ nh t i kho n 4 i u 293 Ngh ñ nh s 155/2020/N -CP ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a Chính ph quy ñ nh chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Ch ñ ng khoán;
- s) Phê duy t Quy ch ñ n i b v qu n tr Công ty, Quy ch ho t ñ ng H i ñ ng qu n tr , Quy ch ho t ñ ng Ban ki m soát;
- t) Các v n khác theo quy ñ nh c a pháp lu t và i u l này.

3. T t c các ñ ng quy t và các v n ã c a vào ch ñ ng trình h p ph i c a ra th o lu n và bi u quy t t i cu c h p i h i ñ ng c ñ ng.

i u 15. y quy n tham d h p i h i ñ ng c ñ ng

1. C ñ ng, ng i i ñ n theo y quy n c a c ñ ng là t ch c có th tr c ti p tham d h p ho c y quy n cho m t ho c m t s cá ñ nh, t ch c khác d h p ho c d h p thông qua m t trong các hình th c quy ñ nh t i kho n 3 i u 144 Lu t Doanh ñ ghi p.

2. V i c y quy n cho cá ñ nh, t ch c i ñ n d h p i h i ñ ng c ñ ng theo quy ñ nh t i kho n l i u này ph i l p thành v n b n. V n b n y quy n c l p theo quy ñ nh c a pháp lu t v dân s và ph i ñ u rõ tên c ñ ng y quy n, tên cá ñ nh, t ch c c y quy n, s l ñ ng c p h n c y quy n, n i ñ ng y quy n, ph m vi y quy n, th i h n y quy n, ch ký c a bên y quy n và bên c y quy n.

Ng i c y quy n d h p i h i ñ ng c ñ ng ph i n p v n b n y quy n khi ñ ng ký d h p. Tr ñ ng h p y quy n l i thi ñ g i tham d h p ph i xu t trình

thêm v n b n y quy n ban u c a c ông, ng i i đi n theo y quy n c a c ông là t ch c (n u tr c ó ch a ng ký v i Công ty).

3. Phi u bi u quy t/Phi u b u c c a ng i c y quy n đ h p trong ph m vi c y quy n v n có hi u l c khi x y ra m t trong các tr ng h p sau:

a) Ng i y quy n ã ch t, b h n ch n ng l c hành vi dân s ho c b m t n ng l c hành vi dân s ;

b) Ng i y quy n ã h y b vi c ch nh y quy n;

c) Ng i y quy n ã h y b th m quy n c a ng i th c hi n vi c y quy n.

i u kho n này không áp đ ng trong tr ng h p Công ty nh n c thông báo v m t trong các s ki n trên tr c gi khai m c cu c h p i h i ng c ông ho c tr c khi cu c h p c tri u t p l i.

i u 16. Thay i các quy n

1. Vi c thay i ho c h y b các quy n c bi t g n li n v i m t lo i c ph n u ãi có hi u l c khi c c ông i đi n t 65% t ngs phi u bi u quy t tr lên c a t t c c ông đ h p thông qua. Ngh quy t i h i ng c ông v n i dung làm thay i b t l i quy n và ngh a v c a c ông s h u c ph n u ãi ch c thông quan u c s c ông u ãi cùng lo i đ h p s h ut 75% t ngs c ph n u ãi lo i ó tr lên tán thành ho c c các c ông u ãi cùng lo i s h ut 75% t ngs c ph n u ãi lo i ó tr lên tán thành trong tr ng h p thông qua ngh quy t đ i hình th c l y ý ki n b ng v n b n.

2. Vi c t ch c cu c h p c a các c ông n m gi m t lo i c ph n u ãi thông qua vi c thay i quy n nêu trên ch có giá tr khi có t i thi u 02 c ông (ho c i đi n theo y quy n c a h ) và n m gi t i thi u 1/3 giá tr m nh giá c a các c ph n lo i ó ãi phát hành. Tr ng h p không có s i bi u nh nêu trên thì cu c h p c t ch c l i trong th i h n 30 ngày ti p theo và nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó (không ph thu c vào s l ng ng i và s c ph n) có m t tr c ti p ho c thông qua i đi n theo y quy n u c coi là s l ng i bi u yêu c u. T i các cu c h p c a c ông n m gi c ph n u ãi nêu trên, nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó có m t tr c ti p ho c qua ng i i đi n có th yêu c u b phi u kín. M i c ph n cùng lo i có quy n bi u quy t ngang b ng nhau t i các cu c h p nêu trên.

3. Th t c t i n hành các cu c h p riêng bi t nh v y c th c hi n t ng t v i các quy nh t i i u 19, 20 và 21 i u l này.

4. Tr khi các i u kho n phát hành c ph n quy nh khác, các quy n c bi t g n li n v i các lo i c ph n có quy n u ãi i v i m t s ho c t t c các v n liên quan n vi c phân ph i l i nhu n ho c tài s n c a Công ty không b thay i khi Công ty phát hành thêm các c ph n cùng lo i.

i u 17. Tri u t p h p ,ch ng tr nh h p và thông báo [m i h p](#) i h i ng c ông

1. H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ông [th ng ni n và b t th ng. H i ng qu n tr tri u t p h p](#) i h i ng c ông [b t th ng](#) theo các tr ng h p quy nh t i kho n [3](#) i u [14](#) i u l này.

2. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông ph i th c hi n các công vi c sau ây:

a) Chu n b danh sách c ông i u ki n tham gia và bi u quy t/[b u c](#) t i [c u c h p](#) i h i ng c ông. Danh sách c ông có quy n d h p i h i ng c ông c l p không [quá](#) 10 ngày tr c ngày g i thông báo m i h p i h i ng c ông. [Công ty ph i công b thông tin v i c l p danh sách c ông có quy n tham d h p i h i ng c ông t i thi u 20 ngày tr c ngày ng ký cu i cùng;](#)

b) Chu n b ch ng tr nh, n i dung i h i ;

c) Chu n b tài li u cho i h i ;

d) D th o ngh quy t i h i ng c ông theo n i dung đ ki n c a cu c h p ;

e) Xác nh th i gian và a i m t ch c i h i ;

f) Thông báo và g i thông báo h p i h i ng c ông cho t t c các c ông có quy n d h p ;

g) Các công vi c khác ph c v i h i .

3. Thông báo [m i h p](#) i h i ng c ông c g i cho t t c các c ông b ng ph ng th c [b o m n c a ch liên l c c a c ông](#), ng th i công b trên trang thông tin i n t c a [Công ty](#) và y ban Ch ng khoán Nhà n c, S giao d ch ch ng khoán [n i c phi u c a Công ty ni m y t ho c ng ký giao d ch](#). Ng i tri u t p h p i h i ng c ông ph i g i thông báo m i h p n t t c các c ông trong Danh sách c ông có quy n d h p ch m nh t [21](#) ngày tr c ngày khai m c cu c h p (tính t ngày mà thông báo c g i ho c chuy n i m t cách h p l ). Ch ng tr nh h p i h i ng c ông, các tài li u liên quan n các v n s c bi u quy t t i i h i c g i cho các c ông ho c/và ng trên trang thông tin i n t c a [Công ty](#). Trong tr ng h p tài li u không c g i kèm thông báo h p i h i ng c ông, thông báo m i h p ph i nêu rõ ng d n n toàn b tài li u h p các c ông có th t i p c n, bao g m:

[a\)](#) Ch ng tr nh h p, các tài li u s d ng trong cu c h p ;

[b\)](#) Danh sách và thông tin chi ti t c a các ng viên trong tr ng h p b u thành viên H i ng qu n tr , [thành viên Ban ki m](#) soát;

[c\)](#) Phi u bi u quy t/[b u c](#) ;

[d\)](#) D th o ngh quy t i v i t ng v n trong ch ng tr nh h p .

4. C ông ho c nhóm c ông theo quy nh t i kho n [2](#) i u [12](#) i u l này có quy n ki n ngh v n a vào ch ng tr nh h p i h i ng c ông. Ki n ngh ph i b ng v n b n và ph i c g i n [Công ty ch m](#) nh t 03 ngày làm vi c tr c ngày

khai m c cu c h p. Ki n ngh ph i ghi rõ tên c ông, s l ng t ng lo i c ph n c a c ông. a ch liên l c, qu c t ch, s Th c n c c công dân, Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác i v i c ông là cá nhân; tên, mã s doanh nghi p ho c s quy t nh thành l p, a ch tr s chính i v i c ông là t ch c; s l ng và lo i c ph n c ông ó n m gi , và v n ki n ngh a vào ch ng trình h p.

5. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông có quy n t ch i ki n ngh quy nh t i kho n 4 i u này n u thu c m t trong các tr ng h p sau:

a) Ki n ngh c g i n không úng quy nh t i kho n 4 i u này;

b) Vào th i i m ki n ngh , c ông ho c nhóm c ông không n m gi t 5% c ph n ph thông tr lên theo quy nh t i kho n 2 i u 12 i u l này;

c) V n ki n ngh không thu c ph m vi th m quy n quy t nh c a i h i ng c ông;

d) Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l này.

6. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông ph i ch p nh n và a ki n ngh quy nh t i kho n 4 i u này vào đ ki n ch ng trình và n i dung cu c h p, tr tr ng h p quy nh t i kho n 5 i u này; ki n ngh c chính th c b sung vào ch ng trình và n i dung cu c h p n u c i h i ng c ông ch p thu n.

i u 18. Các i u ki n t i n hành h p i h i ng c ông

1. Cu c h p i h i ng c ông c t i n hành khi có s c ông đ h p i đi n trên 50% t ng s phi u bi u quy t.

2. Tr ng h p cu c h p l n th nh t không i u ki n t i n hành theo quy nh t i kho n 1 i u này thì thông báo m i h p l n th hai c g i trong th i h n 30 ngày, k t ngày đ nh h p l n th nh t. Cu c h p i h i ng c ông l n th hai c t i n hành khi có s c ông đ h p i đi n t 33% t ng s phi u bi u quy t tr lên.

3. Tr ng h p cu c h p l n th hai không i u ki n t i n hành theo quy nh t i kho n 2 i u này thì thông báo m i h p l n th ba ph i c g i trong th i h n 20 ngày k t ngày đ nh h p l n th hai. Cu c h p i h i ng c ông l n th ba c t i n hành không ph thu c vào t ng s phi u bi u quy t c a các c ông đ h p.

i u 19. Th th c t i n hành h p và bi u quy t t i cu c h p i h i ng c ông

1. Tr c khi khai m c cu c h p, Công ty ph i t i n hành th t c ng ký c ông và ph i th c hi n vi c ng ký cho n khi các c ông có quy n đ h p có m t ng ký h t theo trình t sau:

a) Khi tiến hành ký công, Công ty cho công nhân đi theo quy định quy định bắt buộc quy định t/phi u bi u quy t/phi u b u c, trên đó ghi số ký, họ và tên cá nhân, họ và tên đi theo quy định và số phi u bi u quy t/phi u b u c cá nhân đó. Chỉ khi công nhân và bi u quy t theo t ng v n trong n i dung ch ng trình. Vì c bi u quy t c tiến hành b ng bi u quy t tán thành, không tán thành và không có ý kiến. K t qu ki m phi u của Chủ tịch Ban Kiểm phi u công b ngay tr c khi b m c cu c h p. Chỉ khi b nhân nhân viên chịu trách nhiệm kiểm phi u hoặc giám sát kiểm phi u theo ngh c a Ch t a. S thành viên của ban kiểm phi u do Chỉ khi công quy định nh c n c ngh c a Ch t a cụ thể;

b) Công nhân đi theo quy định cá nhân là t ch c ho c ng i quy định sau khi cụ thể đã khai m c có quy định ký ngay và sau đó có quy định tham gia và bi u quy t/b u c tiến hành ngay sau khi ký. Chủ tịch không có trách nhiệm đăng Chỉ khi cho công nhân ký và hi u l c c a nh ng n i dung đã c bi u quy t/b u c trước đó không thay đổi.

2. Vì c b u ch t a, th ký, Ban kiểm tra t cách c ông/ Chỉ khi bi u và Ban kiểm phi u c quy nh nh sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tịch ho c y quy n cho thành viên H i ng qu n tr khác làm ch t a cụ thể Chỉ khi công do Hội đồng quản trị quyết định. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời không làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bi u m t ng i trong s h làm chủ tịch cụ thể theo nguyên tắc a s. Trường hợp không b u c ng i làm chủ tịch, Trường Ban kiểm soát Chỉ khi Chỉ khi công b u ch t a cụ thể trong s nh ng ng i d h p và ng i có phi u b u cao nh t làm chủ tịch cụ thể;

b) Trường hợp quy nh t i i m a kho n này, ng i ký tên quyết định Chỉ khi công Chỉ khi công b u ch t a cụ thể và ng i có s phi u b u cao nh t làm chủ tịch cụ thể;

c) Chủ tịch m t ho c m t s ng i làm th ký cụ thể; Ban kiểm tra t cách c ông/ Chỉ khi bi u ph c v cu c h p;

d) Chỉ khi công b u m t ho c m t s ng i vào ban kiểm phi u theo ngh c a ch t a cụ thể.

3. Ch ng trình và n i dung cu c h p phi c Chỉ khi công thông qua trong phiên khai m c. Ch ng trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian Chỉ khi v n trong n i dung ch ng trình cụ thể.

4. Chủ tịch Chỉ khi có quy n th c hi n các bi n pháp cần thiết và h p lý Chỉ khi Chỉ khi Chỉ khi công m t cách có tr t t, úng theo ch ng trình đã c thông qua và ph n ánh c mong mu n c a a s ng i d h p.



a) B trích ng i t i a i m h p i h i n g c ông;

b) B o m an toàn cho m i n g i có m t t i các a i m h p;

c) T o i u k i n cho c ông tham d (ho c t i p t c tham d ) i h i. Ng i tri u t p h p i h i n g c ông có toàn quy n thay i nh ng bi n pháp nêu trên và áp d ng t t c các bi n pháp c n thi t. Các bi n pháp áp d ng có th là c p gi y vào c a ho c s d ng nh ng hình th c l a ch n khác.

5. Ng i tri u t p h p ho c ch t a cu c h p i h i n g c ông có quy n sau ây:

a) Yêu c u t t c ng i d h p ch u s ki m tra ho c các bi n pháp an ninh h p pháp, h p lý khác;

b) Yêu c u c quan có th m quy n duy trì tr t t cu c h p; tr c xu t nh ng ng i không tuân th quy n i u hành c a ch t a, c ý gây r i tr t t , ng n c n t i n tri n bình th ng c a cu c h p ho c không tuân th các yêu c u v ki m tra an ninh ra kh i cu c h p i h i n g c ông.

6. Ch t a có quy n hoãn cu c h p i h i n g c ông ã có s ng i ng ký d h p t i a không quá 03 ngày làm vi c k t ngày cu c h p d nh khai m c và ch c hoãn cu c h p ho c thay i a i m h p trong tr ng h p sau ây:

a) a i m h p không có ch ng i thu n t i n cho t t c ng i d h p;

b) Ph ng t i n thông tin t i a i m h p không b o m cho c ông d h p tham gia, th o lu n và bi u quy t;

c) Có ng i d h p c n tr , gây r i tr t t , có nguy c làm cho cu c h p không c t i n hành m t cách công b ng và h p pháp.

7. Tr ng h p ch t a hoãn ho c t m d ng h p i h i n g c ông trái v i quy nh t i kho n 6 i u này, i h i n g c ông b u m t ng i khác trong s nh ng ng i d h p thay th ch t a i u hành cu c h p cho n lúc k t thúc; t t c ngh quy t c thông qua t i cu c h p ó u có hi u l c thi hành.

8. Tr ng h p Công ty áp d ng công ngh hi n i t ch c i h i n g c ông thông qua h p tr c tuy n, Công ty có trách nhi m m b o c ông tham d , bi u quy t b ng hình th c b phi u i n t ho c hình th c i n t khác theo quy nh t i i u 144 Lu t Doanh nghi p và kho n 3 i u 273 Ngh nh s 155/N -CP ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a Chính ph quy nh chi t i t thi hành m t s i u c a Lu t Ch ng khoán.

i u 20. i u k i n Ngh quy t c a i h i n g c ông c thông qua

1. Ngh quy t v n i dung sau ây c thông qua n u c s c ông i d i n t 65% t ng s phi u bi u quy t tr lên c a t t c c ông d h p tán thành, tr tr ng h p quy nh t i các kho n 3, 4 và 6 i u 148 Lu t Doanh nghi p.

- a) Loại phi nhân vật ngân sách phi nhân vật loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cấu trúc quản lý Công ty;
- d) Dán nút hộc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp ưu đãi Công ty quy định khác giá trị khác;
- e) Tổ chức, giải thể Công ty;
- f) Gia hạn hoạt động Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi chức vụ công sở hơn 50% tổng số phi nhân vật quy định của tổ chức được chấp thuận thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc biên tập biên thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định của pháp luật, theo mô hình công có tổng số phi nhân vật quy định trong nội quy của phi nhân vật nhân viên thành viên của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và công có quy định nội dung nội dung phi nhân vật của mình cho nội dung nội dung công viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phi nhân vật tính theo xu hướng, bất luận công viên có số phi nhân vật cao nhất cho nên khi số thành viên quy định tại Điều 148 Công ty. Trường hợp có từ 02 công viên trở lên cùng số phi nhân vật nhau cho thành viên của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các công viên có số phi nhân vật ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của Điều 148 Công ty.

Trường hợp bầu thành viên HĐQT và BKS, nếu số công viên nhân viên của công sở thành viên HĐQT/BKS của bầu thì việc bầu thành viên HĐQT/BKS có thể thực hiện theo quy định của pháp luật nhân vật quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo quy định của pháp luật biên tập biên thành (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Trường biên tập biên thành thông qua theo quy định của pháp luật biên tập biên thành theo Khoản 2 Điều 21 Điều 148 Công ty.

3. Các Nghị quyết nội dung công sở được thông qua bằng 100% tổng số phi nhân vật quy định biên tập biên thành là hợp pháp và có hiệu lực ngay khi trình thảo luận tại trên họp và thông qua nghị quyết có vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 148 Công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lý kiến công bằng nhân vật thông qua Nghị quyết của Hội đồng

Thẩm quyền và thủ tục lý kiến công bằng nhân vật thông qua Nghị quyết của Hội đồng được thực hiện theo quy định sau đây:

- 1. Hội đồng quản trị có quy định lý kiến công bằng nhân vật thông qua nghị quyết của Hội đồng các vấn đề sau:
  - a) Sa i, b sung các nội dung của Điều 148 Công ty;

- b) Phê duyệt/sa i, bổ sung Quy ch n i b v qu n tr Công ty; Quy ch ho t ng c a Hi ng qu n tr; Quy ch ho t ng c a Ban ki m soát;
- c) nh h ng phát tri n Công ty;
- d) Lo ic ph n và t ng s c ph n c a t ng lo i;
- e) B u, mi n nhi m, bãi nhi m thành viên Hi ng qu n tr và Ban ki m soát;
- f) D án u t ho c bán s tài s n có giá tr b ng ho c l n h n 35% t ng giá tr tài s n c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t c a Công ty;
- g) Thông qua báo cáo tài chính h ng n m
- h) T ch c l i, gi i th Công ty.
- i) Thay i ngành, ngh và l nh v c kinh doanh;
- j) Thay ic c ut ch c qu n lý Công ty;
- k) Các v n khác khi xét th y c n thi t vì l ích c a Công ty.

2. Hi ng qu n tr phi i chu n b phi u l y ý ki n, d th o ngh quy t i h i ng c ông, các tài li u gi i trình d th o ngh quy t và g i n t t c c ông có quy n bi u quy t ch m nh t 10 ngày tr c th i h n ph i g i l i phi u l y ý ki Yêu c u và cách th c g i phi u l y ý ki n và tài li u kèm theo c th c hi n theo quy nh t i kho n 3 i u 18 i u l này.

3. Phi u l y ý ki n phi i có các n i dung ch y u sau ây:

- a) Tên, a ch tr s chính, mã s doanh nghi p;
- b) M c ích l y ý ki n;
- c) H , tên, a ch liên l c, qu c t ch, s gi y t pháp lý c a cá nhân i v i c ông là cá nhân; tên, mã s doanh nghi p ho c s gi y t pháp lý c a t ch c, a ch tr s chính i v i c ông là t ch c ho c h , tên, a ch liên l c, qu c t ch, s gi y t pháp lý c a cá nhân i v i i đi n c a c ông là t ch c; s l ng c ph n c a t ng lo i và s phi u bi u quy t c a c ông;
- d) V n c n l y ý ki n thông qua quy t nh;
- e) Ph ng án bi u quy t bao g m tán thành, không tán thành và không có ý ki n i v i t ng v n l y ý ki n;
- f) Th i h n ph i g i v Công ty phi u l y ý ki n ã c tr l i;
- g) H , tên, ch ký c a Ch t ch Hi ng qu n tr.

4. C ông có th g i phi u l y ý ki n ã tr l i n Công ty b ng hình th c g i th , fax ho c th i n t theo quy nh sau ây:

a) Tr ng h p g i th , phi u l y ý ki n ã c tr l i phi i có ch ký c a c ông là cá nhân, c a ng i i đi n theo y quy n ho c ng i i đi n theo pháp lu t c a c ông là t ch c. Phi u l y ý ki n g i v Công ty phi i c ng trong phong bì dán kín và không ai c quy n m tr c khi ki m phi u;

b) Tr ng h p g i fax ho c th i n t , phi u l y ý ki n g i v Công ty phi i c gi bí m t n th i i m ki m phi u;

c) Các phi u l y ý ki n g i v Công ty sau th i h n ã xác nh t i n i dung phi u l y ý ki n ho c ã b m trong tr ng h p g i th và b ti t l trong tr ng h p g i fax, th

in t là không h p l . Phi u l y ý ki n không c g i v c coi là phi u không tham gia bi u quy t.

5. H i ng qu n tr ki m phi u và l p biên b n ki m phi u đ i s ch ng ki n c a Ban ki m soát ho c c a c ông không n m gi ch c v qu n lý Công ty. Biên b n ki m phi u ph i có các n i dung ch y u sau ây:

- a) Tên, a ch tr s chính, mã s doanh nghi p;
- b) M c ích và các v n c n l y ý ki n thông qua ngh quy t;
- c) S c ông v i t ng s phi u bi u quy t/b u c ã tham gia bi u quy t/b u c, trong ó phân bi t s phi u bi u quy t/b u c h p l và s bi u quy t/b u c không h p l và ph ng th c g i phi u bi u quy t/b u c, kèm theo ph l c danh sách c ông tham gia bi u quy t/b u c;
- d) T ng s phi u tán thành, không tán thành và không có ý ki n i v i t ng v n , t ng s phi u b u c t ng ng viên (n u có);
- e) V n ã c thông qua và t l bi u quy t thông qua t ng ng;
- f) H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr , ng i ki m phi u và ng i giám sát ki m phi u.

Các thành viên H i ng qu n tr , ng i ki m phi u và ng i giám sát ki m phi u ph i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a biên b n ki m phi u; liên i ch u trách nhi m v các thi t h i phát sinh t các quy t nh c thông qua do ki m phi u không trung th c, không chính xác.

6. Biên b n ki m phi u và ngh quy t ph i c g i n các c ông trong th i h n 15 ngày, k t ngày k t thúc ki m phi u. Vi c g i biên b n ki m phi u và ngh quy t có th thay th b ng vi c ng t i trên trang thông tin i n t c a Công ty trong th i h n 24 gi , k t th i i m k t thúc ki m phi u.

7. Phi u l y ý ki n ã c tr l i, biên b n ki m phi u, ngh quy t ã c thông qua và tài li u có liên quan g i kèm theo phi u l y ý ki n u ph i c l u gi t i tr s chính c a Công ty.

8. Ngh quy t c thông qua theo hình th c l y ý ki n c ông b ng v n b n n u c s c ông s h u trên 50% t ng s phi u bi u quy t c a t t c c ông có quy n bi u quy t tán thành và có giá tr nh ngh quy t c thông qua t i cu c h p i h i ng c ông.

i u 22. Ngh quy t, Biên b n h p i h i ng c ông

1. Cu c h p i h i ng c ông ph i c ghi biên b n và có th ghi âm ho c ghi và l u gi đ i hình th c i n t khác. Biên b n ph i l p b ng ti ng Vi t, có th l p thêm b ng ti ng n c ngoài và có các n i dung ch y u sau ây:

- a) Tên, a ch tr s chính, mã s doanh nghi p;
- b) Th i gian và a i m h p i h i ng c ông;
- c) Ch ng trình h p và n i dung cu c h p;

- d) H , tên ch t a và th ký;
- e) Tóm t t di n bi n cu c h p và các ý ki n phát bi u t i cu c h p i h i ng c ông v t ng v n trong ch ng tr ình h p;
- f) S c ông và t ng s phi u bi u quy t c a các c ông đ h p, ph l c danh sách ng ký c ông, i di n c ông đ h p v i s c ph n và s phi u b u t ng ng;
- g) T ng s phi u bi u quy t i v i t ng v n bi u quy t, trong ó ghi rõ ph ng th c bi u quy t, t ng s phi u h p l , không h p l , tán thành, không tán thành và không có ý ki n; t l t ng ng trên t ng s phi u bi u quy t c a c ông đ h p;
- h) T ng h p s phi u b u c t ng ng viên (n u có):
  - i) Các v n ã c thông qua và t l phi u bi u quy t thông qua t ng ng;
  - j) H , tên và ch ký c a ch t a và th ký. Tr ng h p ch t a, th ký t ch i ký biên b n h p thì biên b n này có hi u l c n u c t t c thành viên khác c a H i ng qu n tr tham đ h p ký và có ý n i dung theo quy nh t i kho n này. Biên b n h p ghi rõ vi c ch t a, th ký t ch i ký biên b n h p.

2. Biên b n h p i h i ng c ông ph i c l p xong và thông qua tr c khi k t thúc cu c h p. Ch t a và th ký cu c h p ho c ng i khác ký tên trong biên b n h p ph i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a n i dung biên b n.

3. Biên b n c l p b ng ti ng Vi t và ti ng n c ngoài u có hi u l c pháp lý nh nhau. Tr ng h p có s khác nhau v n i dung gi a biên b n b ng ti ng Vi t và b ng ti ng n c ngoài thì n i dung trong biên b n b ng ti ng Vi t c áp đ ng.

4. Ngh quy t, Biên b n h p i h i ng c ông, ph l c danh sách c ông ng ký đ h p, v n b n y quy n tham đ h p, t t c các tài li u ình kèm Biên b n (n u có) và tài li u có liên quan kèm theo thông báo m i h p ph i l u gi t i tr s chính c a Công ty.

Ngh quy t, Biên b n h p i h i ng c ông và tài li u kèm theo trong biên b n, ngh quy t ph i c công b thông tin theo quy nh pháp lu t v công b thông tin trên th tr ng ch ng khoán.

i u 23. Yêu c u h y b Ngh quy t c a i h i ng c ông

Trong th i h n 90 ngày k t ngày nh n c ngh quy t ho c biên b n h p i h i ng c ông ho c biên b n k t qu ki m phi u l y ý ki n i h i ng c ông, c ông ho c nhóm c ông quy nh t i kho n 2 i u 115 Lu t Doanh nghi p có quy n yêu c u Tòa án ho c Tr ng tài xem xét, h y b ngh quy t ho c m t ph n n i dung ngh quy t i h i ng c ông trong các tr ng h p sau ây:

1. Tr ình t , th t c tr i u t p h p và ra quy t nh c a i h i ng c ông vi ph m nghiêm tr ng quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l Công ty, tr tr ng h p quy nh t i kho n 3 i u 21 i u l này.

2. N i dung ngh quy t vi ph m pháp lu t ho c i u l này.

## VII. H I NG QU N TR

i u 24. ng c , c thành viên H i ng qu n tr

1. Tr ng h p ã xác nh c ng c viên H i ng qu n tr, Công ty ph i công b thông tin liên quan n các ng c viên t i thi u 10 ngày tr c ngày khai m c h p i h i ng c ông trên trang thông tin i n t c a Công ty c ông có th tìm hi u v các ng c viên này tr c khi b phi u. ng c viên H i ng qu n tr ph i có cam k t b ng v n b n v tính trung th c, chính xác c a các thông tin cá nhân c công b và ph i cam k t th c hi n nhi m v m t cách trung th c, c n tr ng và vì l i ích cao nh t c a Công ty n u c b u làm thành viên H i ng qu n tr . Thông tin liên quan n ng c viên H i ng qu n tr c công b bao g m:

- H tên, ngày, tháng, n m sinh;
- Trình chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các ch c danh qu n lý khác (bao g m c ch c danh H i ng qu n tr c a Công ty khác);
- L i ích có liên quan t i Công ty và các bên có liên quan c a Công ty;
- Các thông tin khác (n u có) theo quy nh t i i u l Công ty;

Công ty ph i có trách nhi m công b thông tin v các Công ty mà ng c viên ang n m gi ch c v thành viên H i ng qu n tr , các ch c danh qu n lý khác và các l i ích có liên quan t i Công ty c a ng c viên H i ng qu n tr (n u có).

2. C ông ho c nhóm c ông s h u t 10% t ng s c ph n ph thông tr lên có quy n c ng c viên H i ng qu n tr theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l Công ty. Các c ông n m gi c ph n ph thông có quy n g p s quy n bi u quy t c các ng viên H i ng qu n tr . C ông ho c nhóm c ông n m gi t 10% n d i 20% t ng s c ph n có quy n bi u quy t c c m t (01) ng viên; t 20% n d i 30% c c t i a hai (02) ng viên; t 30% n d i 40% c c t i a ba (03) ng viên; t 40% n d i 50% c c t i a b n (04) ng viên; t 50% ~~tr lên~~ ~~n d i 60%~~ c c t i a n m (05) ng viên; ~~t 60% n d i 70%~~ ~~c c t i a sáu (06)~~ ng viên; ~~t 70% n 80%~~ ~~c c t i a b y (07)~~ ng viên; và ~~t 80% n d i 90%~~ ~~c c t i a tám (08)~~ ng viên.

3. Tr ng h p s l ng ng c viên H i ng qu n tr thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t theo quy nh t i kho n 5 i u 115 Lu t Doanh nghi p, H i ng qu n tr ng nhi m gi i thi u thêm ng c viên ho c t ch c c theo quy nh t i i u l Công ty, Quy ch n i b v qu n tr Công ty và Quy ch ho t ng c a H i ng qu n tr. Vi c H i ng qu n tr ng nhi m gi i thi u thêm ng c viên ph i c công b rõ ràng tr c khi i h i ng c ông bi u quy t b u thành viên H i ng qu n tr theo quy nh c a pháp lu t.

4. Thành viên H i ng qu n tr ph i áp ng các tiêu chu n và i u ki n theo quy nh t i kho n 1, kho n 2 i u 155 Lu t doanh nghi p và i u l này.

điểm 25. Thành phần và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm bổ nhiệm không hạn chế. Trên hợp phần của thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên có tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bổ nhiệm thay thế và tiếp quản công việc.
3. Chức vụ thành viên Hội đồng quản trị như sau:  
Chức vụ Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không liên hệ. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh liên hệ của Công ty đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị hạn chế công việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại điểm 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhận thù lao là công việc của Công ty.

điểm 26. Quy định và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quy định, thực hiện quy định và nghĩa vụ của Công ty, tr các quy định và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của hội đồng.
2. Quy định và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, điểm 1 Công ty và hội đồng quy định. Chức vụ, Hội đồng quản trị có những quy định và nghĩa vụ sau:
  - a) Quy định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
  - b) Kiểm kê tài sản và tài sản của công ty quy định chào bán của công ty;
  - c) Quy định bán công phần và trái phiếu của công ty, tr các quy định chào bán của công ty; quy định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d) Quy định giá bán công phần và trái phiếu của Công ty;
  - e) Quy định mua tài sản công phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 điểm 133 Luật Doanh nghiệp;
  - f) Quy định phương án ưu đãi và đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
  - g) Quy định giới hạn phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị [35%] tổng giá trị tài sản trên của ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, tr trên hợp phần các hợp đồng, giao dịch thu thu thẩm quyền quy định của hội đồng.

theo quy nh t i i m d kho n 2 i u 138, kho n 1 và kho n 3 i u 167 Lu t Doanh nghi p;

- i) B u, mi n nhi m, bãi nhi m Ch t ch H i ng qu n tr ; b nhi m, mi n nhi m, ký k t h p ng, ch m d t h p ng i v i T ng Giám c và ng i qu n lý quan tr ng khác đ i u l Công ty quy nh; quy t nh ti n l ng, thù lao, th ng và l ích khác c a nh ng ng i qu n lý ó; c ng i i đi n theo y quy n tham gia H i ng thành viên, **H i ng qu n tr , Ban ki m soát** ho c i h i ng c ông Công ty con, Công ty liên k t và các t ch c khác và Công ty khác, quy t nh m c thù lao và quy n l i khác c a nh ng ng i ó;
- j) Giám sát, ch o T ng Giám c và ng i qu n lý khác trong i u hành công vi c kinh doanh h ng ngày c a Công ty;
- k) Quy t nh c c ut ch c, quy ch qu n lý n i b c a Công ty, quy t nh thành l p Công ty con, chi nhánh, v n phòng i đi n và vi c góp v n, mua c ph n c a doanh nghi p khác;
- l) Duy t ch ng trình, n i dung tài li u ph c v h p i h i ng c ông, tri ut p h p i h i ng c ông ho c l ý ki n i h i ng c ông thông qua ngh quy t;
- m) Trình báo cáo tài chính h ng n m ã c ki m toán lên i h i ng c ông;
- n) Ki n ngh m c c t c c tr ; quy t nh th i h n và th t c tr c t c ho c x lý l phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Ki n ngh vi c t ch c l i, gi i th Công ty; yêu c u phá s n Công ty;
- p) Quy t nh ban hành Quy ch ho t ng H i ng qu n tr , Quy ch n i b v qu n tr Công ty sau khi c i h i ng c ông thông qua; quy t nh ban hành Quy ch ho t ng c a ~~y ban ki m SOÁT toán tr c thu c H i ng qu n tr (n u có)~~, Quy ch v công b thông tin c a Công ty;
- q) Yêu c u T ng Giám c, Phó T ng Giám c, ng i qu n lý khác trong Công ty cung c p thông tin, tài li u v tình hình tài chính, ho t ng kinh doanh c a Công ty và c a n v trong Công ty.
- r) Ng i qu n lý c yêu c u ph i cung c p k p th i, y và chính xác thông tin, tài li u theo yêu c u c a thành viên H i ng qu n tr . Trình t , th t c yêu c u và cung c p thông tin c quy nh c th t i Quy ch ho t ng c a H i ng qu n tr .
- s) Quy n và ngh a v khác theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p, Lu t Ch ng khoán, quy nh khác c a pháp lu t và i u l Công ty.

3. H i ng qu n tr ph i báo cáo i h i ng c ông k t qu ho t ng c a H i ng qu n tr theo quy nh t i i u 280 Ngh nh s 155/2020/N -CP ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a Chính ph quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Ch ng khoán.

i u 27. Thù lao, th ng và l ích khác c a thành viên H i ng qu n tr

1. Công ty có quy n tr thù lao, th ng cho thành viên H i ng qu n tr theo k t qu và hi u qu kinh doanh.

2. Thành viên H i ng qu n tr c h ng thù lao công vi c và th ng. Thù lao công vi c c tính theo s ngày công c n thi t hoàn thành nhi m v c a thành viên H i



ng qu n tr và m c thù lao m i ngày. H i ng qu n tr d tính m c thù lao cho t ng thành viên theo nguyên t c nh t trí. T ng m c thù lao và th ng c a H i ng qu n tr do i h i ng c ông quy t nh t i cu c h p th ng niên.

3. Thù lao c a t ng thành viên H i ng qu n tr c tính vào chi phí kinh doanh c a Công ty theo quy nh c a pháp lu t v thu thu nh p doanh nghi p, c th hi n thành m c riêng trong báo cáo tài chính h ng n m c a Công ty và ph i báo cáo i h i ng c ông t i cu c h p th ng niên.

4. Thành viên H i ng qu n tr n m gi ch c v i u hành ho c thành viên H i ng qu n tr làm vi c t i các ti u ban c a H i ng qu n tr ho c th c hi n nh ng công vi c khác ngoài ph m vi nhi m v thông th ng c a m t thành viên H i ng qu n tr, có th c tr thêm thù lao d i d ng m t kho n ti n công tr n gói theo t ng l n, l ng, hoa h ng, ph n tr m l i nhu n ho c d i hình th c khác theo quy t nh c a H i ng qu n tr.

5. Thành viên H i ng qu n tr có quy n c thanh toán t t c các chi phí i l i, n, và các kho n chi phí h p lý khác mà h ã ph i chi tr khi th c hi n trách nhi m thành viên H i ng qu n tr c a mình, bao g m c các chi phí phát sinh trong vi c t i tham d các cu c h p i h i ng c ông, H i ng qu n tr ho c các ti u ban c a H i ng qu n tr.

6. Thành viên H i ng qu n tr có th c Công ty mua b o hi m trách nhi m sau khi có s ch p thu n c a i h i ng c ông. B o hi m này không bao g m b o hi m cho nh ng trách nhi m c a thành viên H i ng qu n tr liên quan n vi c vi ph m pháp lu t và i u l Công ty.

i u 28. Ch t ch H i ng qu n tr

1. Ch t ch H i ng qu n tr do H i ng qu n tr b u, mi n nhi m, bãi nhi m trong s các thành viên H i ng qu n tr.

2. Ch t ch H i ng qu n tr không c kiêm T ng Giám c.

3. Ch t ch H i ng qu n tr có quy n và ngh a v sau ây:

- a) L p ch ng trình, k ho ch ho t ng c a H i ng qu n tr;
- b) Chu n b ch ng trình, n i dung, tài li u ph c v cu c h p; tri u t p, ch trì và làm ch t a cu c h p H i ng qu n tr;
- c) T ch c vi c thông qua ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr;
- d) Giám sát quá trình t ch c th c hi n các ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr;
- e) Ch t a cu c h p i h i ng c ông;
- f) Quy n và ngh a v khác theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l này.

4. Tr ng h p Ch t ch H i ng qu n tr có n t ch c ho c b mi n nhi m, bãi nhi m, H i ng qu n tr ph i b u ng i thay th trong th i h n [10 ngày] k t ngày nh n n t ch c ho c b mi n nhi m, bãi nhi m.

5. Tr ợng h p Ch t ch H i ng qu n tr v ng m t h c không th th c hi n c nhi m v c a mình thì ph i y quy n b ng v n b n cho m t thành viên khác th c hi n quy n và ngh a v c a Ch t ch H i ng qu n tr theo nguyên t c quy nh t i i u l Công ty. Tr ợng h p không có ng i c y quy n ho c Ch t ch H i ng qu n tr ch t, m t tích, b t m giam, ang ch p hành hình ph t tù, ang ch p hành bi n pháp x lý hành chính t i c s cai nghi n b t bu c, c s giáo d c b t bu c, tr n kh i n i c trú, b h n ch ho c m t n ng l c hành vi dân s , có khó kh n trong nh n th c, làm ch hành vi, b Tòa án c m m nhi m ch c v , c m hành ngh ho c làm công vi c nh t nh thì các thành viên còn l i b u m t ng i trong s các thành viên gi ch c Ch t ch H i ng qu n tr theo nguyên t c a s thành viên còn l i tán thành cho n khi có quy t nh m i c a H i ng qu n tr .

i u 29. C u c h p c a H i ng qu n tr

1. Ch t ch H i ng qu n tr c b u trong c u c h p u tiên c a H i ng qu n tr trong th i h n 07 ngày làm vi c k t ngày k t thúc b u c H i ng qu n tr ó. C u c h p này do thành viên có s phi u b u cao nh t ho c t l phi u b u cao nh t tri u t p và ch trì. Tr ợng h p có nhi u h n m t thành viên có s phi u b u ho c t l phi u b u cao nh t và ngang nhau thì các thành viên b u theo nguyên t c a s ch n 01 ng i trong s h tri u t p h p H i ng qu n tr .

2. H i ng qu n tr ph i h p ít nh t m i quý 01 l n và có th h p b t th ng.

3. Ch t ch H i ng qu n tr tri u t p h p H i ng qu n tr trong tr ợng h p sau ây:

a) Có ngh c a Ban ki m soát;

b) Có ngh c a T ng Giám c ho c ít nh t 05 ng i qu n lý khác;

c) Có ngh c a ít nh t 02 thành viên H i ng qu n tr ;

4. ng h quy nh t i kho n 3 i u này ph i c l p thành v n b n, trong ó nêu rõ m c ích, v n c n th o lu n và quy t nh thu c th m quy n c a H i ng qu n tr .

5. Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p h p H i ng qu n tr trong th i h n 07 ngày làm vi c k t ngày nh n c ngh quy nh t i kho n 3 i u này. Tr ợng h p không tri u t p h p H i ng qu n tr theo ngh thì Ch t ch H i ng qu n tr ph i ch u trách nhi m v nh ng thi t h i x y ra i v i Công ty; ng i ngh có quy n thay th Ch t ch H i ng qu n tr tri u t p h p H i ng qu n tr .

6. Ch t ch H i ng qu n tr ho c ng i tri u t p h p H i ng qu n tr ph i g i thông báo m i h p ch m nh t là [03 ngày] làm vi c tr c ngày h p. Thông báo m i h p ph i xác nh c th th i gian và a i m h p, ch ng trình, các v n th o lu n và quy t nh. Thông báo m i h p ph i kèm theo tài li u s đ ng t i c u c h p và phi u bi u quy t c a thành viên.

Thông báo m i h p H i ng qu n tr có th g i b ng gi y m i, i n tho i, fax, ph ng ti n i n t ho c ph ng th c khác do i u l Công ty quy nh và b o m n c a ch liên l c c a t ng thành viên H i ng qu n tr c ng ký t i Công ty.

7. Ch t ch H i ng qu n tr ho c ng i tri u t p g i thông báo m i h p và các tài li u kèm theo n các thành viên Ban Ki m soát nh i v i các thành viên H i ng qu n tr.

Thành viên Ban Ki m soát có quy n d các cu c h p H i ng qu n tr ; có quy n th o lu n nh ng không c bi u quy t.

8. Cu c h p H i ng qu n tr c ti n hành khi có t 3/4 t ng s thành viên tr lên đ h p. Tr ng h p cu c h p c tri u t p theo quy nh t i kho n này không s thành viên đ h p theo quy nh thì c tri u t p l n th hai trong th i h n [07 ngày] k t ngày đ nh h p l n th nh t. Tr ng h p này, cu c h p c ti n hành n u có h n m t n a s thành viên H i ng qu n tr đ h p.

9. Thành viên H i ng qu n tr c coi là tham d và bi u quy t t i cu c h p trong tr ng h p sau ây:

- a) Tham d và bi u quy t tr c ti p t i cu c h p;
- b) y quy n cho ng i khác n đ h p và bi u quy t theo quy nh t i kho n 11 i u này;
- c) Tham d và bi u quy t thông qua h i ngh tr c tuy n, b phi u i n t ho c hình th c i n t khác;
- d) G i phi u bi u quy t n cu c h p thông qua th , fax, th i n t ;

10. Tr ng h p g i phi u bi u quy t n cu c h p thông qua th , phi u bi u quy t ph i ng trong phong bì dán kín và ph i c chuy n n Ch t ch H i ng qu n tr ch m nh t là 01 gi tr c khi khai m c. Phi u bi u quy t ch c m tr c s ch ng ki n c a t t c nh ng ng i đ h p.

11. Bi u quy t

- a) Tr quy nh t i i m b kho n 11 i u 30, m i thành viên H i ng qu n tr ho c ng i c y quy n theo quy nh t i kho n 9 i u này tr c ti p có m t v i t cách cá nhân t i cu c h p H i ng qu n tr có m t (01) phi u bi u quy t;
- b) Thành viên H i ng qu n tr không c bi u quy t v các h p ng, các giao d ch ho c xu t mà thành viên ó ho c ng i liên quan t i thành viên ó có l i ích và l i ích ó mâu thu n ho c có th mâu thu n v i l i ích c a Công ty. Thành viên H i ng qu n tr không c tính vào t l thành viên t i thi u có m t có th t ch c cu c h p H i ng qu n tr v nh ng quy t nh mà thành viên ó không có quy n bi u quy t;
- c) Theo quy nh t i i m đ kho n 11 i u 30, khi có v n phát sinh t i cu c h p liên quan n l i ích ho c quy n bi u quy t c a thành viên H i ng qu n tr mà thành viên ó không t nguy n t b quy n bi u quy t, phán quy t c a ch t a là quy t nh cu i cùng, tr tr ng h p tính ch t ho c ph m vi l i ích c a thành viên H i ng qu n tr liên quan ch a c công b y ;

- d) Thành viên Hội đồng quản trị hội đồng giám đốc công ty quy định và làm  
b khoản 6 và 43 của Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng;  
e) Kiểm soát viên có quy định của Hội đồng quản trị, có quyền tố tụng nhưng không  
có biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp của hội đồng giám đốc công ty giao dịch đã ký kết hợp đồng kinh tế với Công ty và biểu quyết thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này từ lúc chấp thuận của Hội đồng quản trị về việc ký kết hợp đồng giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biểu quyết thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị phải công khai các lợi ích liên quan từ lúc chấp thuận của Hội đồng quản trị trước khi thành viên này biểu quyết mình có lợi ích hoặc có lợi ích trong giao dịch hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên cũng quy định cho người khác dự họp và biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quy định của Hội đồng quản trị được thông qua của thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quy định của cùng chủ tịch có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quy định ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các văn bản thu nhập quy định của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 của Điều 27 của Điều lệ này.

Nghị quyết theo hình thức ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của các thành viên Hội đồng quản trị có quy định biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua từ lúc chấp thuận.

16. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo hình thức trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả các thành viên đồng ý đồng ý và ai khác nhau vì điều kiện làm việc thành viên tham gia họp có thể:

- Nghệ thuật thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- Phát biểu và tất cả các thành viên tham dự khác mặt cách riêng. Việc tố tụng giữa các thành viên có thể thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là có mặt từ lúc chấp thuận. Mọi cuộc họp được thực hiện theo quy định này là ai mà có đồng nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là ai mà có mặt Chủ tịch cuộc họp.

Các quy định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được thực hiện và tiến hành mặt cách họp trực tiếp, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp như pháp luật quy định.

b ng các ch ký trong biên b n c a t t c thành viên H i ng qu n tr tham d cu c h p này.

17. Ch t ch H i ng qu n tr có trách nhi m g i biên b n h p H i ng qu n tr t i các thành viên và biên b n ó là b ng ch ng xác th c v công vi c ã c ti n hành trong cu c h p tr khi có ý ki n ph n i v n i dung biên b n trong th i h n m i (10) ngày k t ngày g i. Biên b n h p H i ng qu n tr c l p b ng ti ng Vi t và có th l p b ng ti ng Anh. Biên b n ph i có ch ký c a ch t a và ng i ghi biên b n.

#### i u 30. Các ti u ban thu c H i ng qu n tr

1. H i ng qu n tr có th thành l p ti u ban tr c thu c ph trách v chính sách phát tri n, nhân s , l ng th ng, ki m toán n i b , qu n lý r i ro. S l ng thành viên c a ti u ban do H i ng qu n tr quy t nh có t i thi u là 03 ng i bao g m thành viên c a H i ng qu n tr và thành viên bên ngoài. Các thành viên H i ng qu n tr không i u hành nên chỉ m a s trong ti u ban và m t trong s các thành viên này c b nhi m làm Tr ng ti u ban theo quy t nh c a H i ng qu n tr. Ho t ng c a ti u ban ph i tuân th theo quy nh c a H i ng qu n tr. Ngh quy t c a ti u ban ch có hi u l c khi có a s thành viên tham d và bì u quy t thông qua t i cu c h p c a ti u ban.

2. Vi c th c thi quy t nh c a H i ng qu n tr, ho c c a ti u ban tr c thu c H i ng qu n tr ph i phù h p v i các quy nh pháp lu t hi n hành và quy nh t i i u l Công ty, Quy ch n i b v qu n tr Công ty.

#### i u 31. Ng i ph trách qu n tr Công ty

1. H i ng qu n tr c a Công ty ph i b nhi m ít nh t 01 ng i ph trách qu n tr Công ty h tr công tác qu n tr Công ty t i doanh nghi p. Ng i ph trách qu n tr Công ty có th kiêm nhi m làm Th ký Công ty theo quy nh t i kho n 5 i u 156 Lu t Doanh nghi p.

2. Ng i ph trách qu n tr Công ty không c ng th i làm vi c cho t ch c ki m toán c ch p thu n ang th c hi n ki m toán các báo cáo tài chính c a Công ty.

3. Ng i ph trách qu n tr Công ty có quy n và ngh a v sau:

- c) T v n H i ng qu n tr trong vi c t ch ch p i h i ng c ông theo quy nh và các công vi c liên quan gi a Công ty và c ông;
- d) Chu n b các cu c h p H i ng qu n tr, Ban ki m soát và i h i ng c ông theo yêu c u c a H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát;
- e) T v n v th t c c a các cu c h p;
- f) Tham d các cu c h p;
- g) T v n th t c l p các ngh quy t c a H i ng qu n tr phù h p v i quy nh c a pháp lu t;
- h) Cung c p các thông tin tài chính, b n sao biên b n h p H i ng qu n tr và các thông tin khác cho thành viên H i ng qu n tr và thành viên Ban ki m soát;

- i) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- j) Là ủy viên liên lạc với các bên có quyền liên quan;
- k) Bộ phận thông tin theo các quy định của pháp luật và nội lệ Công ty;
- l) Các quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nội lệ Công ty.

## VIII. T NG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐI U HÀNH KHÁC

Điều 32. Chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty phải bao gồm các thành viên chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, kiểm soát của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Thủ quỹ Công ty. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Nghĩa vụ của người đi u hành Doanh nghiệp

1. Theo quy định của Tổng Giám đốc và các cơ chế phân công của Hội đồng quản trị, Công ty thực hiện đúng nghĩa vụ đi u hành khác với lợi ích và tiêu chuẩn phù hợp với các quy định của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Nghĩa vụ của người đi u hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm thực hiện Công ty thực hiện các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tài chính.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm và thực hiện. Tính lợi ích và thực hiện của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quy định.

4. Tính lợi ích của người đi u hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thu thuế doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo chính xác công tác thực hiện.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quy định của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người đi u hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và thực hiện pháp luật về việc thực hiện quy định, nghĩa vụ giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể bổ nhiệm liên tục nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và nội lệ Công ty.

4. Tổng Giám đốc có các quy định và nghĩa vụ sau:

- a) Quy định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thực hiện quy định của Hội đồng quản trị;
- b) Thực hiện các quy định, quy định của Hội đồng quản trị;

- c) T ch c th c hi n k ho ch kinh doanh và ph ng án u t c a Công ty;
- d) Ki n ngh ph ng án c c u t ch c, quy ch qu n lý n i b c a Công ty;
- e) B nhi m, mi n nhi m, bãi nhi m các ch c danh qu n lý trong Công ty, tr các ch c danh thu c th m quy n c a H i ng qu n tr ;
- f) Quy t nh ti n l ng và l i ích khác i v i ng i lao ng trong Công ty, k c ng i qu n lý thu c th m quy n b nhi m c a T ng Giám c;
- g) Tuy n d ng lao ng;
- h) Ki n ngh ph ng án tr c t c ho c x lý l trong kinh doanh;
- i) Quy n và ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t, i u l này và ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr .

5. H i ng qu n tr có th mi n nhi m T ng Giám c khi a s thành viên H i ng qu n tr có quy n bi u quy t đ h p tán thành và b nhi m T ng Giám c m i thay th .

#### i u 35. Th ký Công ty

Khi xét th y c n thi t, H i ng qu n tr quy t nh b nhi m m t (01) ho c nhi u ng i làm Th ký Công ty v i nhi m k theo quy t nh c a H i ng qu n tr . H i ng qu n tr có th bãi nhi m Th ký Công ty khi c n nh ng không trái v i các quy nh pháp lu t hi n hành v lao ng. Th ký Công ty có quy n và ngh a v sau ây:

- a) H tr t ch c tri u t p h p i h i ng c ông, H i ng qu n tr ; ghi chép các biên b nh p;
- b) H tr thành viên H i ng qu n tr trong vi c th c hi n quy n và ngh a v c giao;
- c) H tr H i ng qu n tr trong áp d ng và th c hi n nguyên t c qu n tr Công ty;
- d) H tr Công ty trong xây d ng quan h c ông và b o v quy n, l i ích h p pháp c a c ông; vi c tuân th ngh a v cung c p thông tin, công khai hóa thông tin và th t c hành chính
- e) Quy n và ngh a v khác theo quy nh t i i u l Công ty, Quy ch n i b Công ty.

### **IX. BAN KI M SOÁT**

#### i u 36. ng c , c thành viên Ban ki m soát (Ki m soát viên)

1. Vi c ng c , c thành viên Ban ki m soát c th c hi n t ng t quy nh t i kho n 1, i u ~~25~~ 24 i u l này. C ông n m gi c ph n có quy n bi u quy t có quy n g p s quy n bi u quy t c a t ng ng i l i v i nhau c các Ki m soát viên. C ông ho c nhóm c ông n m gi t 10% n d i 30% s c ph n có quy n bi u quy t c c m t (01) Ki m soát viên; t 30% n d i 40% c c t i a hai (02) Ki m soát viên; t 40% tr lên ~~n d i 50%~~ c c t i a ba (03) Ki m soát viên; ~~t 50% n d i 60%~~ ~~c c t i a b n~~ (04) Ki m soát viên t ~~60% tr lên~~ ~~c c n m~~ (05) ng viên.

2. Tr ng h p s l ng các ng viên Ban ki m soát thông qua c và ng c không s l ng c n thi t, Ban ki m soát ng nhi m có th c thêm ng viên ho c t

chức theo quy định tại [Công ty](#), Quy chế nội bộ quản trị [Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát](#). Vì các Ban kiểm soát nghiêm túc [giải thích](#) thành viên [phần](#) công bố rõ ràng [trước khi](#) [đi](#) [hàng](#) [ngày](#) [công](#) [biểu](#) [quy](#) [định](#) [bộ](#) [thành](#) [viên](#) [Ban](#) [kiểm](#) [soát](#) [theo](#) [quy](#) [định](#) [của](#) [pháp](#) [luật](#).

Điều 37. [Thành phần Ban Kiểm soát](#)

1. Số lượng [thành viên Ban kiểm soát](#) của [Công ty](#) là [\[03 người\]](#). Nhiệm kỳ của [thành viên Ban kiểm soát](#) không quá 05 năm và có thể [cử](#) [bộ](#) [lưu](#) [vị](#) [số](#) [nhiệm](#) [kỳ](#) [không](#) [hết](#) [chức](#).

2. [Thành viên Ban kiểm soát](#) phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại [điều 169](#) Luật [Doanh nghiệp](#) và không thực hiện các [trọng](#) [nghĩa](#) [sau](#):

a) [Làm](#) [vi](#) [ệc](#) [trong](#) [bộ](#) [ph](#) [n](#) [k](#) [toán](#), [tài](#) [chính](#) [của](#) [Công](#) [ty](#);

b) Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán [c](#) [l](#) [p](#) [th](#) [c](#) [h](#) [i](#) [n](#) [k](#) [i](#) [m](#) [toán](#) các báo cáo tài chính của [Công](#) [ty](#) trong 03 năm liền trước đó.

3. [Thành viên Ban Kiểm soát](#) [b](#) [m](#) [i](#) [n](#) [n](#) [h](#) [i](#) [m](#) [trong](#) [các](#) [tr](#) [n](#) [g](#) [h](#) [p](#) [sau](#):

a) [Không](#) [còn](#) [tiêu](#) [chu](#) [n](#) [và](#) [đ](#) [i](#) [u](#) [k](#) [i](#) [n](#) [làm](#) [th](#) [à](#) [n](#) [h](#) [v](#) [i](#) [n](#) [Ban](#) [ki](#) [m](#) [s](#) [o](#) [á](#) [t](#) [theo](#) [quy](#) [đ](#) [i](#) [n](#) [h](#) [t](#) [i](#) [k](#) [h](#) [o](#) [n](#) [2](#) [đ](#) [i](#) [u](#) [n](#) [ày](#);

b) [C](#) [ó](#) [n](#) [t](#) [ch](#) [c](#) [v](#) [à](#) [c](#) [h](#) [p](#) [th](#) [u](#) [n](#);

c) Các [tr](#) [n](#) [g](#) [h](#) [p](#) [kh](#) [á](#) [c](#) [theo](#) [quy](#) [đ](#) [i](#) [n](#) [h](#) [t](#) [đ](#) [i](#) [u](#) [l](#) [n](#) [ày](#).

4. [Thành viên Ban kiểm soát](#) [b](#) [b](#) [i](#) [n](#) [h](#) [i](#) [m](#) [trong](#) [các](#) [tr](#) [n](#) [g](#) [h](#) [p](#) [sau](#):

a) [Không](#) [hoàn](#) [th](#) [à](#) [n](#) [h](#) [n](#) [h](#) [i](#) [m](#) [v](#), [c](#) [ông](#) [vi](#) [c](#) [c](#) [h](#) [p](#) [h](#) [à](#) [n](#) [g](#);

b) [Không](#) [th](#) [c](#) [h](#) [i](#) [n](#) [quy](#) [n](#) [và](#) [n](#) [gh](#) [a](#) [v](#) [c](#) [a](#) [m](#) [i](#) [nh](#) [trong](#) [06](#) [tháng](#) [li](#) [ên](#) [t](#) [c](#), [tr](#) [t](#) [r](#) [n](#) [g](#) [h](#) [p](#) [b](#) [t](#) [k](#) [h](#) [kh](#) [á](#) [ng](#);

c) [Vi](#) [ph](#) [m](#) [n](#) [h](#) [i](#) [u](#) [l](#) [n](#), [vi](#) [ph](#) [m](#) [n](#) [ghi](#) [ê](#) [m](#) [t](#) [r](#) [n](#) [g](#) [n](#) [gh](#) [a](#) [v](#) [c](#) [a](#) [th](#) [à](#) [n](#) [h](#) [v](#) [i](#) [n](#) [Ban](#) [ki](#) [m](#) [s](#) [o](#) [á](#) [t](#) [theo](#) [quy](#) [đ](#) [i](#) [n](#) [h](#) [t](#) [Lu](#) [t](#) [Doanh](#) [nghi](#) [p](#) [và](#) [đ](#) [i](#) [u](#) [l](#) [Công](#) [ty](#);

d) [Tr](#) [n](#) [g](#) [h](#) [p](#) [kh](#) [á](#) [c](#) [theo](#) [n](#) [gh](#) [quy](#) [đ](#) [i](#) [h](#) [i](#) [n](#) [g](#) [c](#) [ông](#).

Điều 38. [Tr](#) [n](#) [g](#) [Ban](#) [ki](#) [m](#) [s](#) [o](#) [á](#) [t](#)

1. [Tr](#) [n](#) [g](#) [Ban](#) [ki](#) [m](#) [s](#) [o](#) [á](#) [t](#) [do](#) [Ban](#) [ki](#) [m](#) [s](#) [o](#) [á](#) [t](#) [b](#) [u](#) [trong](#) [s](#) [c](#) [ác](#) [th](#) [à](#) [n](#) [h](#) [v](#) [i](#) [n](#) [Ban](#) [ki](#) [m](#) [s](#) [o](#) [á](#) [t](#); [vi](#) [c](#) [b](#) [u](#), [m](#) [i](#) [n](#) [n](#) [h](#) [i](#) [m](#), [b](#) [i](#) [n](#) [h](#) [i](#) [m](#) [theo](#) [ng](#) [u](#) [y](#) [ê](#) [n](#) [t](#) [c](#) [á](#) [s](#). [Ban](#) [ki](#) [m](#) [s](#) [o](#) [á](#) [t](#) [ph](#) [i](#) [c](#) [ó](#) [h](#) [n](#) [m](#) [đ](#) [i](#) [n](#) [à](#) [s](#) [th](#) [à](#) [n](#) [h](#) [v](#) [i](#) [n](#) [th](#) [n](#) [g](#) [tr](#) [ú](#) [Vi](#) [t](#) [Nam](#). [Tr](#) [n](#) [g](#) [Ban](#) [ki](#) [m](#) [s](#) [o](#) [á](#) [t](#) [ph](#) [i](#) [c](#) [ó](#) [b](#) [n](#) [g](#) [t](#) [t](#) [n](#) [gh](#) [i](#) [p](#) [đ](#) [i](#) [h](#) [c](#) [tr](#) [l](#) [ên](#) [th](#) [c](#) [m](#) [t](#) [trong](#) [các](#) [ch](#) [uy](#) [ê](#) [n](#) [g](#) [n](#) [g](#) [h](#) [i](#) [n](#) [g](#) [k](#) [i](#) [n](#) [h](#) [t](#), [t](#) [ài](#) [ch](#) [ính](#), [k](#) [i](#) [m](#) [t](#) [o](#) [á](#) [n](#), [k](#) [i](#) [m](#) [t](#) [o](#) [á](#) [n](#), [l](#) [u](#) [t](#), [q](#) [u](#) [n](#) [t](#) [r](#) [k](#) [i](#) [n](#) [h](#) [do](#) [a](#) [n](#) [h](#) [c](#) [h](#) [uy](#) [ê](#) [n](#) [g](#) [n](#) [g](#) [c](#) [ó](#) [li](#) [ê](#) [n](#) [q](#) [u](#) [a](#) [n](#) [h](#) [o](#) [t](#) [n](#) [g](#) [k](#) [i](#) [n](#) [h](#) [do](#) [a](#) [n](#) [h](#) [n](#) [g](#) [h](#) [i](#) [p](#).

2. [Quy](#) [n](#) [và](#) [n](#) [gh](#) [a](#) [v](#) [c](#) [a](#) [Tr](#) [n](#) [g](#) [Ban](#) [ki](#) [m](#) [s](#) [o](#) [á](#) [t](#):



[a] Tri u t p cu c h p Ban ki m soát; Phân công nhi m v cho t ng thành viên trong Ban ki m soát; các thành viên Ban ki m soát có trách nhi m báo cáo b ng v n b n các n i dung c phân công cho Tr ng Ban ki m soát

b) Yêu c u H i ng qu n tr , T ng Giám c và ng i i u hành khác cung c p các thông tin liên quan báo cáo Ban ki m soát;

c) L p và ký báo cáo c a Ban ki m soát sau khi ã tham kh o ý ki n c a H i ng qu n tr trình i h i ng c ông].

i u 39. Quy n và ngh a v c a Ban ki m soát

Ban ki m soát có các quy n, ngh a v theo quy nh t i i u 170 Lu t Doanh nghi p và các quy n, ngh a v sau:

1. Xu t, ki n ngh i h i ng c ông phê duy t danh sách t ch c ki m toán c ch p thu n th c hi n ki m toán Báo cáo tài chính c a Công ty; quy t nh t ch c ki m toán c ch p thu n th c hi n ki m tra ho t ng c a Công ty, bãi mi n ki m toán viên c ch p thu n khi xét th y c n thi t.

2. Ch u trách nhi m tr c c ông v ho t ng giám sát c a mình.

3. Giám sát tình hình tài chính c a Công ty, vi c tuân th pháp lu t trong ho t ng c a thành viên H i ng qu n tr , T ng Giám c, ng i qu n lý khác.

4. m b o ph i h p ho t ng v i H i ng qu n tr , T ng Giám c và c ông.

5. Tr ng h p phát hi n hành vi vi ph m pháp lu t ho c vi ph m i u l Công ty c a thành viên H i ng qu n tr , T ng Giám c và ng i i u hành khác c a doanh nghi p, Ban ki m soát ph i thông báo b ng v n b n cho H i ng qu n tr trong vòng 48 gi , yêu c u ng i có hành vi vi ph m ch m d t vi ph m và có gi i pháp kh c ph c h u qu .

6. Xây d ng Quy ch ho t ng c a Ban ki m soát và trình i h i ng c ông thông qua.

7. Báo cáo t i i h i ng c ông theo quy nh t i i u 290 Ngh nh s 155/2020/N -CP ngày 31/12/2020 c a Chính ph quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Ch ng khoán.

8. Có quy n ti p c n h s , tài li u c a Công ty l u gi t i tr s chính, chi nhánh và a i m khác; có quy n n a i m làm vi c c a ng i qu n lý và nhân viên c a Công ty trong gi làm vi c.

9. Có quy n yêu c u H i ng qu n tr , thành viên H i ng qu n tr , T ng Giám c và ng i qu n lý khác cung c p y , chính xác, k p th i thông tin, tài li u v công tác qu n lý, i u hành và ho t ng kinh doanh c a Công ty.

10. Các quy n và ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l này.

i u 40. Cu c h p c a Ban ki m soát

1. Ban ki m soát ph i h p ít nh t 02 l n trong m t n m, s l ng thành viên tham d h p ít nh t là 2/3 s thành viên Ban ki m soát. Biên b n h p Ban ki m soát c l p chi ti t và rõ ràng. Ng i ghi biên b n và các thành viên Ban ki m soát tham d h p ph i ký tên vào biên b n cu c h p. Các biên b n h p c a Ban ki m soát ph i c l u gi nh m xác nh trách nhi m c a t ng thành viên Ban ki m soát.

2. Ban ki m soát có quy n yêu c u thành viên H i ng qu n tr , T ng Giám c và i đi n t ch c ki m toán c ch p thu n tham d và tr l i các v n c n c làm rõ.

i u 41. Ti n l ng, thù lao, th ng và l i ích khác c a thành viên Ban ki m soát  
Ti n l ng, thù lao, th ng và l i ích khác c a thành viên Ban ki m soát c th c h i n theo quy nh sau ây:

1. Thành viên Ban ki m soát c tr ti n l ng, thù lao, th ng và l i ích khác theo quy t nh c a i h i ng c ông. i h i ng c ông quy t nh t ng m c ti n l ng, thù lao, th ng, l i ích khác và ngân sách ho t ng h ng n m c a Ban ki m soát.

2. Thành viên Ban ki m soát c thanh toán chi phí n , i l i, chi phí s d ng d ch v t v n c l p v i m c h p lý. T ng m c thù lao và chi phí này không v t quá t ng ngân sách ho t ng h ng n m c a Ban ki m soát ã c i h i ng c ông ch p thu n, tr tr ng h p i h i ng c ông có quy t nh khác.

3. Ti n l ng và chi phí ho t ng c a Ban ki m soát c tính vào chi phí kinh doanh c a Công ty theo quy nh c a pháp lu t v thu thu nh p doanh nghi p, quy nh khác c a pháp lu t có liên quan và ph i c l p thành m c riêng trong báo cáo tài chính h ng n m c a Công ty.

## X. TRÁCH NHI M C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , THÀNH VIÊN BAN KI M SOÁT, T NG GIÁM C VÀ NG I I U HÀNH KHÁC

Thành viên H i ng qu n tr , Thành viên Ban ki m soát, T ng Giám c và ng i i u hành khác có trách nhi m th c hi n các nhi m v c a mình, k c nh ng nhi m v v i t cách thành viên các t i u ban c a H i ng qu n tr , m t cách trung th c, c n tr ng vì l i ích c a Công ty.

i u 42. Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i

1. Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng Giám c và ng i qu n lý khác ph i công khai các l i ích có liên quan theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và các v n b n pháp lu t liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và nhà quản lý có liên quan của các thành viên này chỉ sử dụng những thông tin có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên với lợi ích chính đáng hoặc với nhà quản lý có liên quan của bất kỳ công ty nào theo quy định của pháp luật. Việc các giao dịch nêu trên do Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các quy định này theo quy định của pháp luật về kế toán và công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết việc giao dịch mang lợi ích cho thành viên hoặc nhà quản lý có liên quan của thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và luật này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và nhà quản lý có liên quan của các công ty này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người đại diện khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các công ty này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Việc giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, nhà quản lý dung quan trọng của hợp đồng giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc người đại diện khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị thông qua bằng sự phi vụ tán thành của nhà quản trị thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Việc giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dựa trên giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch ưu tiên có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, nhà quản lý dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người đại diện khác đã được công bố cho các công ty và Hội đồng quản trị thông qua bằng sự phi vụ tán thành của các công ty không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và công ty sở hữu từ 51% tổng số phần vốn có quyền biểu quyết trở lên hoặc nhà quản lý có liên quan của công ty đã được công bố cho các công ty và Hội đồng quản trị thông qua bằng sự phi vụ tán thành của các công ty không có lợi ích liên quan.

điều 43. Trách nhiệm về thi thuế và bất động

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vì phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thuế thi thuế do hành vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bất động sản cho thuê nhà ở, công ty có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện, kiện, kiện (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nhưng ỹ đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc cố vấn của Công ty quy định hoặc đang thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác định rằng người ỹ đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bất động sản bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phí thanh toán phát sinh trong thuế (kể phí thuế thu nhập) hoặc coi là hợp lý khi ghi quy định về việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho thuê nhà ở này tránh những trách nhiệm bất động sản nêu trên.

## XI. QUY ĐỊNH CỦA C U S SÁCH VÀ H S CÔNG TY

điều 44. Quy định của c u s sách và h s

1. Công ph thông có quy định của c u s sách và h s, cụ thể như sau:

a) Công ph thông có quy định xem xét, tra cứu và trích lệ thông tin về tên và địa chỉ liên lệ trong danh sách công có quy định bị quy định; yêu cầu sai thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lệ hoặc sao chép lệ Công ty, biên bản họp hội đồng và quy định hội đồng;

b) Công hoặc nhóm công suất 05% tổng số phần thông trở lên có quy định xem xét, tra cứu, trích lệ biên bản và quy định, quy định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính trị và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp ng, giao dịch thông qua Hội đồng quản trị và tài lệ khác, tài lệ liên quan bí mật thông tin, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trang hợp cố vấn của công và nhóm công yêu cầu tra cứu s sách và h s thì phải kèm theo giấy quy định của công và nhóm công mà người cố vấn hoặc bên sao chép công của giấy quy định này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quy định của c u s ký công của Công ty, danh sách công, s sách và h s khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình vì lợi ích của các thông tin này phải chỉ công bố.

4. Công ty phải tuân thủ quy định này và những bổ sung sau, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quy định thuế, quy định về chi phí công và Hội đồng quản trị, biên bản họp chi phí công và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tài chính hoặc các quy định khác về thuế và các công và Công nhân ký kinh doanh các thông báo và tài liệu về các tài liệu này.

5. Công ty phải công bố trên trang thông tin internet của Công ty.

## XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch Hội đồng quản trị thông qua các văn bản liên quan nhân viên tuyển dụng, cho người lao động nghề nghiệp, tín dụng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và khuyến khích người lao động và người đi làm hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch Hội đồng quản trị thông qua các văn bản liên quan nhân viên của Công ty về các tổ chức công đoàn theo các chương trình, thông lệ và chính sách quản lý nhân sự, những thông lệ và chính sách quy định về điều kiện này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Chi phí công quy định mức chi trả lãi và hình thức chi trả lãi hàng năm tối thiểu lợi nhuận cố định của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả lãi hay khoản tiền chi trả liên quan tới mặt lợi nhuận cố định.

3. Hội đồng quản trị có thể ký nghị định chi phí công thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần các chi phí của phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quy định này.

4. Trường hợp các khoản tiền khác liên quan tới mặt lợi nhuận cố định chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền ngân Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do công ty cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do công ty cung cấp mà công ty không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho công ty này. Việc thanh toán các chi phí về các chi phí nộp thuế/ ngân quỹ giao dịch tài khoản giao dịch ngân hàng có thể thực hiện hành thông qua Công ty chỉ ngân hàng của Công ty và bù trừ các khoản Việt Nam.

5. Công ty Lu t Doanh nghi p, Lu t Ch ng khoán, H i ng qu n tr thông qua ngh quy t, quy t nh xác nh m t ngày c th ch t danh sách c ông. Công ty theo ngày ó, nh ng ng i ng ký v i t cách c ông ho c ng i s h u các ch ng khoán khác c quy n nh n c t c b ng ti n m t ho c c phi u, nh n thông báo ho c tài li u khác.

6. Các v n khác liên quan n phân ph i l i nhu n c th c hi n theo quy nh c a pháp lu t.

#### XIV. TÀI KHO N NGÂN HÀNG, N M TÀI CHÍNH VÀ CH K TOÁN

i u 47. Tài kho n ngân hàng

1. Công ty m tài kho n t i các ngân hàng Vi t Nam ho c t i các chi nhánh ngân hàng n c ngoài c phép ho t ng t i Vi t Nam.

2. Theo s ch p thu n tr c c a c quan có th m quy n, trong tr ng h p c n thi t, Công ty có th m tài kho n ngân hàng n c ngoài theo các quy nh c a pháp lu t.

3. Công ty ti n hành t t c các kho n thanh toán và giao d ch k toán thông qua các tài kho n t i Vi t Nam ho c ngo i t t i các ngân hàng mà Công ty m tài kho n.

i u 48. N m tài chính

N m tài chính c a Công ty b t u t ngày 01 tháng 01 h ng n m và k t thúc vào ngày 31 tháng 12 h ng n m.

i u 49. Ch k toán

1. Ch k toán Công ty s d ng là ch k toán doanh nghi p ho c ch k toán c thù c c quan có th m quy n ban hành, ch p thu n.

2. Công ty l p s sách k toán b ng ti ng Vi t và l u gi h s k toán theo quy nh pháp lu t v k toán và pháp lu t liên quan. Nh ng h s này ph i chính xác, c p nh t, có h th ng và ph i ch ng minh và gi i trình các giao d ch c a Công ty.

3. Công ty s d ng n v ti n t trong k toán là ng Vi t Nam. Tr ng h p Công ty có các nghi p v kinh t phát sinh ch y u b ng m t lo i ngo i t thì c t ch n ngo i t ó làm n v ti n t trong k toán, ch u trách nhi m v l a ch n ó tr c pháp lu t và thông báo cho c quan qu n lý thu tr c ti p.

#### XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO TH NG NIÊN VÀ TRÁCH NHI M CÔNG B THÔNG TIN

i u 50. Báo cáo tài chính n m, bán niên và quý

1. Công ty ph i l p báo cáo tài chính n m và báo cáo tài chính n m ph i c ki m toán theo quy nh c a pháp lu t. Công ty công b báo cáo tài chính n m ã c ki m toán theo quy nh c a pháp lu t v công b thông tin trên th tr ng ch ng khoán và n p cho c quan nhà n c có th m quy n.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm y các báo cáo, ph l c, thuy t minh theo quy nh pháp lu t v k toán doanh nghi p. Báo cáo tài chính năm ph i ph n ánh m t cách trung th c và khách quan tình hình ho t ng c a Công ty.

3. Công ty ph i l p và công b các báo cáo tài chính bán niên ã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy nh pháp lu t v công b thông tin trên th tr ng ch ng khoán và n p cho c quan nhà n c có th m quy n.

đ i u 51. Báo cáo th ng niên

Công ty ph i l p và công b Báo cáo th ng niên theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

## XVI. KI M TOÁN CÔNG TY

đ i u 52. Ki m toán

1. i h i ng c ông ch nh m t Công ty ki m toán c l p ho c thông qua danh sách các Công ty ki m toán c l p và y quy n cho H i ng qu n tr quy t nh l a ch n m t trong s các n v này ti n hành ki m toán báo cáo tài chính c a Công ty cho n m tài chính ti p theo đ a trên nh ng đ i u kho n và đ i u ki n th a thu n v i H i ng qu n tr .

2. Báo cáo ki m toán c ính kèm báo cáo tài chính n m c a Công ty.

3. Ki m toán viên c l p th c hi n vi c ki m toán báo cáo tài chính c a Công ty c tham d các cu c h p i h i ng c ông và c quy n nh n các thông báo và các thông tin khác liên quan n cu c h p i h i ng c ông và c phát bi u ý ki n t i i h i v các v n có liên quan n vi c ki m toán báo cáo tài chính c a Công ty.

## XVII. D U C A DOANH NGHI P

đ i u 53. D u c a doanh nghi p

1. D u bao g m đ u c làm t i c s kh c đ u ho c đ u đ i hình th c ch ký s theo quy nh c a pháp lu t v giao đ ch i n t .

2. H i ng qu n tr quy t nh lo i đ u, s l ng, hình th c và n i dung đ u c a Công ty, chi nhánh, v n phòng đ i đ i n c a Công ty (n u có).

3. H i ng qu n tr , T ng Giám c s đ ng và qu n lý đ u theo quy nh c a pháp lu t hi n hành.

## XVIII. GI I TH CÔNG TY

đ i u 54. Gi i th Công ty

1. Công ty có th b gi i th trong nh ng tr ng h p sau:

- Theo ngh quy t, quy t nh c a i h i ng c ông;
- B thu h i Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p, tr tr ng h p Lu t Qu n lý thu có quy nh khác;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc ghi i th [Công ty](#) do i h i ng c ông quy t nh, H i ng qu n tr th c h i n. Quy t nh gi i th này ph i c thông báo theo quy nh.

i u 55. Thanh lý

1. T i thi u **06 tháng** sau khi có quy t nh gi i th [Công ty](#), H i ng qu n tr ph i thành l p Ban thanh lý g m 03 thành viên, trong ó 02 thành viên do i h i ng c ông ch nh và 01 thành viên do H i ng qu n tr ch nh t 01 Công ty ki m toán c l p. Ban thanh lý chu n b các quy ch ho t ng c a mình. Các thành viên c a Ban thanh lý có th c l a ch n trong s nh n viên c a [Công ty](#) ho c chuyên gia c l p. T t c các chi phí liên quan n thanh lý c [Công ty](#) u tiên thanh toán tr c các kho n n khác c a [Công ty](#).

2. Ban thanh lý có trách nhi m báo cáo cho C quan ng ký kinh doanh v ngày thành l p và ngày b t u ho t ng. K t th i i m ó, Ban thanh lý thay m t [Công ty](#) trong t t c các công vi c liên quan n thanh lý [Công ty](#) tr c Tòa án và các c quan hành chính.

3. Ti n thu c t vi c thanh lý c thanh toán theo th t sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các kho n n l ng, tr c p thôi vi c, b o hi m xã h i và các quy n l i khác c a ng i lao ng theo th a c lao ng t p th và h p ng lao ng ã ký k t;
- c) N thu ;
- d) Các kho n n khác c a [Công ty](#);
- e) Ph n còn l i sau khi ã thanh toán t t c các kho n n t m c (a) n (d) trên ây c chia cho các c ông. Các c ph n u ã c u tiên thanh toán tr c.

## XIX. GI I QUY T TRANH CH P N I B

i u 56. Gi i quy t tranh ch p n i b

1. Tr ng h p phát sinh tranh ch p, khi u n i liên quan t i ho t ng c a [Công ty](#), quy n và ngh a v c a các c ông theo quy nh t i Lu t [Doanh](#) nghi p, i u l Công ty, các quy nh pháp lu t khác [ho c th a thu n](#) gi a:

a) C ông v i [Công ty](#);

b) C ông v i H i ng qu n tr , Ban ki m soát, T ng Giám c hay ng i i u hành khác;

Các bên liên quan c g ng gi i quy t tranh ch p ó thông qua th ng l ng và [hòa](#) gi i. Tr tr ng h p tranh ch p liên quan t i H i ng qu n tr ho c Ch t ch H i ng qu n tr , Ch t ch H i ng qu n tr ch trì vi c gi i quy t tranh ch p và yêu c u t ng bên trình bày các thông tin liên quan n tranh ch p trong vòng 30 ngày làm vi c k t ngày tranh ch p phát sinh. Tr ng h p tranh ch p liên quan t i H i ng qu n tr hay Ch



t ch H i ng qu n tr , b t c bên nào c ng có th yêu c u [\[Tr ng Ban Ki m soát\]](#) ch nh m t chuyên gia c l p làm trung gian hòa gi i cho quá trình gi i quy t tranh ch p.

2. Tr ng h p không t c quy t nh [hòa gi i](#) trong vòng [\[06 tu n\]](#) t khi b t u quá trình [hòa gi i](#) ho c n u quy t nh c a trung gian [hòa gi i](#) không c các bên ch p nh n, m t bên có th a tranh ch p ó ra Tr ng tài ho c Tòa án.

3. Các bên t ch u chi phí có liên quan t i th t c th ng l ng và [hòa gi i](#). Vi c thanh toán các chi phí c a Tòa án c th c hi n theo phán quy t c a Tòa án.

## XX. B SUNG VÀ S A I I U L

i u 57. i u l [Công ty](#)

1. Vi c s a i, b sung i u l này ph i c i h i ng c ông xem xét, quy t nh.

2. Tr ng h p pháp lu t có [quy nh](#) liên quan n ho t ng c a [Công ty](#) ch a c c p trong b n i u l này ho c tr ng h p có quy nh pháp lu t [m i](#) khác v i i u kho n trong i u l này thì áp d ng [nh ng quy nh ó](#) i u ch nh ho t ng c a [Công ty](#).

## XXI. NGÀY HI U L C

i u 58. Ngày hi u l c

1. B n i u l này g m [\[21 m c, 58 i u\]](#) c i h i ng c ông [Công ty c ph n C p thoát n c Lâm ng](#) nh t trí thông qua ngày 28 tháng 04 n m 2021 t i thành [ph à L t, t nh Lâm ng](#) và cùng ch p thu n hi u l c toàn v n c a i u l này.

2. i u l c l p thành 04 b n, có giá tr nh nhau [và ph i c l u gi t i tr s](#) chính c a [Công ty](#).

3. i u l này là duy nh t và chính th c c a [Công ty](#).

4. Các b n sao ho c trích l c i u l [Công ty](#) có giá tr khi có ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr ho c t i thi u 1/2 t ng s thành viên H i ng qu n tr .

H , tên, ch ký c a ng i i dĩ n theo pháp lu t.

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẬP THOÁT NƯỚC LÂM NG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QH-QT

Tp. Hà Nội, ngày ... tháng 4 năm 2021

## QUY ĐỊNH

Ban hành Quy định Hồ sơ đăng ký Công ty Cổ phần Tập thể Lâm Ng

## HỘI NGỘ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẬP THOÁT NƯỚC LÂM NG

- Căn cứ Luật Kế toán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kế toán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung quản trị Công ty áp dụng tại Công ty cổ phần đăng ký Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Kế toán;
- Căn cứ nội quy Công ty Cổ phần Tập thể Lâm Ng;
- Căn cứ Nghị quyết nội bộ của Hội đồng Quản trị ... ngày 28 tháng 4 năm 2021.
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Quản trị số ..... ngày .....

## QUY ĐỊNH

Điều 1. Ban hành “Quy định Hồ sơ đăng ký Công ty Cổ phần Tập thể Lâm Ng” bao gồm 23 điều trong 07 Chương.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Thủ ký công ty, Trưởng các phòng chuyên môn, nhân viên thu ngân và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này./.

Nhân:

- Điều 3;
- VT.

TM. HỘI  
ĐỒNG  
QUẢN  
TRỊ  
CÔNG  
TY

QUY CH H O T NG C A H I NG QU N TR  
CÔNG TY C PH N C P THOÁT N C LÂM NG

- C n c Lu t Ch ng khoán ngày 26 tháng 11 n m 2019;
- C n c Lu t Doanh nghi p ngày 17 tháng 6 n m 2020;
- C n c Ngh nh s 155/2020/N -CP ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a Chính ph quy nh chi ti t thi hành m t s iêu c a Lu t Ch ng khoán;
- C n c Thông t s 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a B tr ng B Tài chính h ng đ n m t s i u v qu n tr Công ty áp đ ng i v i Công ty i chứng t i Ngh nh s 155/2020/N -CP ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a Chính ph quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Ch ng khoán;
- C n c i u l Công ty C ph n C p thoát n c Lâm ng;
- C n c Ngh quy t i h i ng c ông s ... ngày 28 tháng 4 n m 2021;
- C n c Ngh quy t H i ng qu n tr s ... ngày 28 tháng 4 n m 2021 v i v i c ban hành Quy ch h o t ng c a H i ng qu n tr .

M C L C

CH  NG I. QUY  NH CHUNG.....	4
i u 1. Ph  m vi  i u ch nh và  i t  ng áp d  ng.....	4
i u 2. Nguyên t  cho t  ợng c a H ị ng qu  n tr .....	4
CH  NG II. THÀNH VIÊN H Ị  NG QU  N TR .....	4
i u 3. Quy n và ngh a v  c a thành viên H ị ng qu  n tr .....	4
i u 4. Quy n  c cung c p thông tin c a thành viên H ị ng qu  n tr .....	5
i u 5. S  l  ng, nhi m k  , và c  c u thành viên H ị ng qu  n tr .....	5
i u 6. Tiêu chu n và  i u ki n thành viên H ị ng qu  n tr .....	5
i u 7. Ch  t ch H ị ng qu  n tr .....	6
i u 8. Mi n nhi m, bãi nhi m, thay th  và b  sung thành viên H ị ng qu  n tr .....	7
i u 9. Cách th  c b u, mi n nhi m, bãi nhi m thành viên H ị ng qu  n tr .....	7
i u 10. Thông báo v  b u, mi n nhi m, bãi nhi m thành viên H ị ng qu  n tr .....	8
CH  NG III. H Ị  NG QU  N TR	
i u 11. Quy n và ngh a v  c a H ị ng qu  n tr .....	10
i u 12. Nhi m v  và quy n h  n c a H ị ng qu  n tr trong vi c phê duy t, ký k  t h p  ng giao d  ch.....	11
i u 13. Trách nhi m c a H ị ng qu  n tr trong vi c tri u t p h p  i h ị ng c  ông b  t th  ng.....	12
i u 14. Các t  i u ban giúp vi c H ị ng qu  n tr .....	13
CH  NG IV. CU  CH  P H Ị  NG QU  N TR .....	14
i u 15. Cu  ch  p H ị ng qu  n tr .....	14
i u 16. Biên b  nh p H ị ng qu  n tr .....	16
CH  NG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC L  I ÍCH .....	18
i u 17. Trình báo cáo h  ng n  m.....	18
i u 18. Thù lao, th  ng và l  ích khác c a thành viên H ị ng qu  n tr .....	18
i u 19. Công khai các l  ích liên quan .....	19
CH  NG VI. M  I QUAN H  C A H Ị  NG QU  N TR .....	20
i u 20. M  i quan h  gi a các thành viên H ị ng qu  n tr .....	20
i u 21. M  i quan h  v  i ban  i u hành .....	20
i u 22. M  i quan h  v  i Ban K  m soát .....	20
CH  NG VII. I U KHO  N THI HÀNH.....	21
i u 23. H ị u l  c thi hành.....	21

## CH NG I. QUY NH CHUNG

i u 1. Ph m vi i u ch nh và i t ng áp d ng

1. Ph m vi i u ch nh: Quy ch h o t ng c a H i ng qu n tr quy nh c c u t ch c nhân s , nguyên t c h o t ng, quy n h n, ngh a v c a H i ng qu n tr và các thành viên H i ng qu n tr nh m h o t ng theo quy nh t i Lu t Doanh nghi p, i u l Công ty và các quy nh khác c a pháp lu t có liên quan.

2. i t ng áp d ng: Quy ch này c áp d ng cho H i ng qu n tr , các thành viên H i ng qu n tr và nh ng i t ng liên quan có c p trong quy ch này.

i u 2. Nguyên t c h o t ng c a H i ng qu n tr

1. H i ng qu n tr làm vi c theo nguyên t c t p th . Các thành viên c a H i ng qu n tr ch u trách nhi m cá nhân v ph n vi c c a mình và cùng ch u trách nhi m tr c i h i ng c ông, tr c pháp lu t v các ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr i v i s phát tri n c a Công ty.

2. H i ng qu n tr giao trách nhi m cho T ng Giám c t ch c i u hành th c hi n các ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr .

## CH NG II. THÀNH VIÊN H I NG QU N TR

i u 3. Quy n và ngh a v c a thành viên H i ng qu n tr

1. Thành viên H i ng qu n tr có y các quy n và trách nhi m theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p, Lu t Ch ng khoán, pháp lu t liên quan và i u l Công ty, trong ó có c cung c p các thông tin, tài li u v tình hình tài chính, h o t ng kinh doanh c a Công ty và c a các n v trong Công ty.

2. Thành viên H i ng qu n tr có ngh a v theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p, i u l Công ty và các ngh a v sau:

a) Th c hi n các nhi m v c a mình m t cách trung th c, c n tr ng vì l i ích cao nh t c a c ông và c a Công ty;

b) Tham d y các cu ch p c a H i ng qu n tr và có ý ki n v các v n c a ra th o lu n;

c) Báo cáo k p th i, y v i H i ng qu n tr các kho n thù lao nh n c t các Công ty con, Công ty liên k t và các t ch c khác; **i v i các thành viên**

**c c i di n theo y quy n tham gia H i ng thành viên, H i ng qu n tr , Ban ki m soát ho c i h i ng c ông Công ty con, Công ty liên k t và các t ch c khác ph i báo cáo k p th i, y v i H i ng qu n tr v k t qu h o t ng và các kho n thù lao nh n c t các Công ty con, Công ty liên k t và các t ch c khác.**

H i ng qu n tr c quy n quy t nh phân ph i các kho n thù lao nh n c t các Công ty con, Công ty liên k t và các t ch c khác.

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tích cực hàng năm về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn đầu tư và thành viên Hội đồng quản trị và nhà quản lý có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là nhà quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

) Thông tin công bố thông tin khi thực hiện giao dịch của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quy định cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, nhà quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các nhân viên trong Công ty.

2. Nhà quản lý doanh nghiệp có quyền yêu cầu cung cấp kịp thời, chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin quy định như sau:

- Thành viên Hội đồng Quản trị phải trình nội dung yêu cầu cung cấp lên Hội đồng Quản trị công ty.

- Xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị sẽ ưu tiên giải quyết trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị về nội dung yêu cầu cung cấp thông tin.

- Nội dung trên Hội đồng Quản trị thông qua thì nhà quản lý có yêu cầu cung cấp thông tin sẽ cung cấp các thông tin theo yêu cầu trong vòng 07 ngày.

Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và các điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị cùng một lúc mất nhiệm kỳ thì các thành viên bổ nhiệm tiếp là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Các điều kiện thành viên Hội đồng quản trị:

Điều kiện Hội đồng quản trị của Công ty phải bao gồm tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không đầu tư vào Công ty. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh đầu tư vào Công ty mà bao gồm các thành viên của Hội đồng quản trị.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không mất thị tịch là công dân của Công ty, trừ trường hợp Điều 17 Luật Công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;

) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

Điều 7. Chức năng Hội đồng quản trị

1. Chức năng Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chức năng Hội đồng quản trị Công ty không kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chức năng Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Thực hiện việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

) Chủ tọa cuộc họp Hội đồng;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chức năng Hội đồng quản trị có nhiệm vụ cho các bãi miễn, Hội đồng quản trị phải báo cáo thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận nhiệm vụ cho các bãi miễn.

5. Trường hợp Chức năng Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện các nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chức năng Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người ủy quyền hoặc Chức năng Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, vắng mặt hành hình phạt tù, vắng mặt hành bị pháp lý hành chính tức là sa thải nghỉ hưu, ốm đau, mất khả năng hành vi dân sự, có khó khăn trong nhân thân, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm miễn nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chức năng Hội đồng quản trị theo nguyên tắc các thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm vụ theo quy định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ thực hiện triệu tập họp Hội đồng, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hội đồng Công ty trong xây dựng quan hệ công và báo cáo quy định, lợi ích hợp pháp của công đồng; vì tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thực hành chính;

đ) Quy định và nghĩa vụ khác theo quy định nội bộ Công ty, Quy định quản trị nội bộ Công ty.

Điều 8. Nhiệm vụ, bổ nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng công đồng nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có nội thất và cách phần;

c) Trường hợp khác quy định nội bộ Công ty.

2. Hội đồng công đồng bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tiếp, trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định nội bộ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng công đồng quy định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; nhiệm vụ, bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định khoản 1 và khoản 2 điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng công đồng bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba số vốn quy định nội bộ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng công đồng trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trường hợp quy định tại khoản ~~và~~ ~~đ~~ khoản này, Hội đồng công đồng bổ sung thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị nhiệm vụ, bổ nhiệm thực hiện phần.

Điều 9. Cách thức bầu, nhiệm vụ, bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Công đồng nhóm công đồng suất 10% tổng số phần trăm thông tin lên có quyền đề nghị công đồng Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và nội bộ Công ty. Việc đề nghị vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các công đồng phần trăm thành nhóm đề nghị vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc phần trăm nhóm cho các công đồng phần trăm khi khai mạc Hội đồng công đồng. Công đồng nhóm công đồng năm giá trị 10% nội dung 20% tổng số phần trăm có quyền bầu quy định các cử tri (01) người; 20% nội dung 30% các cử tri hai (02) người; 30% nội dung 40% các cử tri ba (03) người; 40% nội dung 50% các cử tri bốn (04) người; 50% nội dung 60% các cử tri năm (05) người; 60% nội dung 70% các cử tri



sáu (06) thành viên; từ 70% đến 80% thành viên; và từ 80% đến 90% thành viên.

b) Các thành viên Hội đồng quản trị, công nhân viên công ty quy định trong pháp luật về doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

2. Trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị thông qua và công nhân viên không số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị ứng cử thêm thành viên hoặc bổ sung thành viên theo quy định tại Điều 1 Công ty, Quy chế nội bộ quản trị Công ty và Quy chế công nhân viên của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị ứng cử thêm thành viên phải công bố rõ ràng trước khi Hội đồng bầu quy định thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc bầu quy định thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bỏ phiếu, theo số phiếu công bố tổng số phiếu bầu quy định trong văn bản số phiếu nhân viên của Hội đồng quản trị và công bố quy định nội dung thông tin số phiếu bầu của mình cho thông tin công nhân viên. Ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị xác định theo số phiếu bầu tính toán cao nhất, bắt đầu ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi số thành viên quy định tại Điều 1 Công ty. Trường hợp có 02 ứng cử viên trở lên cùng số phiếu bầu nhau cho thành viên của Hội đồng quản trị thì tiến hành bỏ phiếu trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định của Điều 1 Công ty.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Hội đồng thực hiện theo phương thức bỏ phiếu quy định (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Trường hợp bỏ phiếu thông qua theo phương thức bỏ phiếu quy định thực hiện theo Khoản 2 Điều 20 Điều lệ công ty.

5. Nếu số thành viên nhân viên hoặc bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của công nhân viên Hội đồng có thể thực hiện theo phương thức bỏ phiếu nhân viên quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức bỏ phiếu quy định (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Trường hợp bỏ phiếu thông qua theo phương thức bỏ phiếu quy định thực hiện theo Khoản 2 Điều 20 Điều lệ công ty.

Điều 10. Thông báo về miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp xác định thành viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các thành viên từ 10 ngày trước ngày khai mạc họp Hội đồng công nhân viên trên trang thông tin internet của Công ty công bố có thể tìm hiểu về các thành viên này trước khi bỏ phiếu, thành viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, công bằng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu công nhân viên làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

- b) Trình độ chuyên môn;
  - c) Quá trình công tác;
  - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm các chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
    - ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
  - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định của Công ty;
  - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà thành viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của thành viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo và kê khai, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hiện hành về công bố thông tin.

### CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quy định và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định, thực hiện quy định và nhiệm vụ của Công ty, thực hiện các quy định và nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Quy định và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Hội đồng quản trị quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có nhiệm vụ và nhiệm vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Kiểm soát lợi ích cá nhân và tài sản cá nhân của quy định chào bán của công ty;

c) Quyết định bán các phần vốn của công ty trong phạm vi số phần vốn quy định chào bán của công ty; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán các phần vốn và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại các phần vốn theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định phê duyệt và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giới thiệu phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trên sổ ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tuyển dụng, thôi việc và lợi ích khác của nhân viên quản lý; cử người đi đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị Công ty khác, quyết định miễn thôi việc và quy định khác của nhân viên quản lý;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong phạm vi hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

l) Quyết định cấu trúc, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duy trì hệ thống trình, nội dung tài liệu phục vụ Hội đồng quản trị, triểu tập họp Hội đồng quản trị hoặc lý do khác của Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hàng năm mã số kiểm toán lên Hội đồng quản trị;

- o) Kế hoạch marketing; quy trình nhân sự và tài chính cho các lý do phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kế hoạch chi tiêu, ghi chép Công ty; yêu cầu pháp nhân Công ty;
- q) Quy trình ban hành Quy chế hồ sơ đăng ký và quản lý, Quy chế nội bộ quản lý Công ty sau khi được thông qua; Quy chế công bố thông tin của Công ty;
- r) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các nhân viên trong Công ty.
- s) Người quản lý các yêu cầu phối hợp kiểm tra, kê khai và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin quy định tại Quy chế hồ sơ đăng ký và quản lý.
- t) Quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và nội quy Công ty, quy định quản lý nội bộ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo tình hình công tác quản lý hồ sơ đăng ký và quản lý theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quy định nội bộ quy định nội quy, quy định kỷ luật nội bộ và hình thức khác do Hội đồng quản trị quy định. Mọi thành viên Hội đồng quản trị có mặt phải tuân thủ quy định.

5. Trường hợp nghị quyết, quy định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết trái pháp luật, nội quy Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quy định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quy định đó và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quy định nói trên không chịu trách nhiệm. Trường hợp này, công ty có quyền yêu cầu Tòa án hình sự xử lý hình phạt đối với các thành viên nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch đơn thuần giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thanh toán giao dịch ưu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất theo mô hình, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại nội quy Công ty của Công ty và miễn trừ trong các trường hợp sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các trường hợp này;
- Công ty, người đi đầu quy định các công suất trên 10% tổng vốn góp phần thông tin của Công ty và nhà quản lý có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng Quản trị chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty và công suất 51% tổng số vốn có quyền biểu quyết trên hocng có liên quan của công ty.

3. Nghị định của Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các tổ chức có liên quan liên quan đến hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo danh sách hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Hội đồng Quản trị quyết định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng Quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triển khai thực hiện nghị quyết công bố thông tin

1. Hội đồng Quản trị phải triển khai thực hiện nghị quyết công bố thông tin trong các trường hợp sau:

- Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- Theo yêu cầu của công ty hoặc nhóm công ty quyết định khoản 2 điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triển khai thực hiện nghị quyết công bố thông tin bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cụ thể, có thể ký các công văn liên quan hoặc văn bản yêu cầu lập thành văn bản và triển khai thực hiện ký các công văn có liên quan;
- Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

2. Triển khai thực hiện nghị quyết công bố thông tin

Trường hợp Hội đồng Quản trị Công ty có quy định khác, Hội đồng Quản trị phải triển khai thực hiện nghị quyết công bố thông tin trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của điều lệ Công ty hoặc nhu cầu yêu cầu quy định của pháp luật và điều lệ này;

3. Nghị triển khai thực hiện nghị quyết công bố thông tin chi tiết các công việc sau đây:

- Chuẩn bị danh sách công ty và người tham gia và biểu quyết/biểu quyết chấp nhận thực hiện nghị quyết công bố thông tin. Danh sách công ty có quyền dự họp thực hiện nghị quyết công bố thông tin phải không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp thực hiện nghị quyết công bố thông tin của Hội đồng Quản trị Công ty không quy định thời hạn nêu trên. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách công ty có quyền tham dự họp thực hiện nghị quyết công bố thông tin 20 ngày trước ngày họp ký cùng;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung họp;
- Chuẩn bị tài liệu cho họp;

- d) Đồng ý quy định hình thức công theo nội dung đề kiến nghị;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp hội đồng;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp hội đồng cho tất cả các công ty thành viên;
- g) Các công việc khác phục vụ hội đồng.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng Quản trị.

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, kế toán, kỹ thuật, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định có tối thiểu là 02-03 người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng Quản trị không đi làm nên chỉ làm việc trong tiểu ban và mặt trong số các thành viên này có nhiệm vụ làm Trưởng tiểu ban theo quy định của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quy định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của Công ty, Quy chế nội bộ Quản trị Công ty.

## CHƯƠNG IV. CỤ THỂ PHƯƠNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cấu trúc Hội đồng Quản trị

1. Chức năng Hội đồng Quản trị được quy định trong Điều lệ Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc buổi họp Hội đồng Quản trị.  
Cấu trúc này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc 1/3 số phiếu bầu cao nhất ưu tiên và chi phối. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số.  
Số thành viên trong Hội đồng Quản trị:
2. Hội đồng Quản trị phải có ít nhất 01 nữ và có thể có thể nhiều hơn.
3. Chức năng Hội đồng Quản trị ưu tiên phải Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Có ngân sách Ban kiểm soát;
  - b) Có ngân sách Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 ngân sách khác;
  - c) Có ngân sách ít nhất 02 thành viên Hội đồng Quản trị;
  - d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
4. Quy định nội quy khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, văn bản nội quy và quy định thu nhập của Hội đồng Quản trị.
5. Chức năng Hội đồng Quản trị ưu tiên phải Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quy định nội quy khoản 3 Điều này. Trường hợp không ưu tiên phải Hội đồng Quản trị theo quy định thì Chức năng Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm văn phòng thị trường và Công ty; ngân sách có quy định thay thế Chức năng Hội đồng Quản trị ưu tiên phải Hội đồng Quản trị.
6. Chức năng Hội đồng Quản trị hoặc người ưu tiên phải Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo miệng hoặc văn bản là 05 ngày làm việc trước ngày họp nội quy Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo miệng phải xác nhận thời gian và địa điểm họp, chương trình, các văn bản nội quy và quy định. Thông báo miệng phải kèm theo tài liệu sử dụng nội quy và phiếu bầu quy định của thành viên.  
Thông báo miệng phải Hội đồng Quản trị có thể gửi bằng văn bản, điện thoại, fax, phương tiện internet hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và báo cáo nội quy liên lạc tại thành viên Hội đồng Quản trị có ký tại Công ty.
7. Chức năng Hội đồng Quản trị hoặc người ưu tiên phải gửi thông báo miệng và các tài liệu kèm theo cho các thành viên Ban Kiểm soát nội quy và các thành viên Hội đồng Quản trị.
- Thành viên Ban Kiểm soát có quyền đề xuất các cấu trúc Hội đồng Quản trị; có quyền đề xuất nội quy không có phiếu bầu.
8. Cấu trúc Hội đồng Quản trị chỉ tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên đồng ý. Trường hợp cấu trúc ưu tiên phải Hội đồng Quản trị không

thành viên đồng lập theo quy định thì các trụ sở chính của hai trong số họ ngày 07 ngày kể từ ngày đồng lập thì nhất, ~~trừ trường hợp của Công ty quy định khác~~ khác nhau. Trường hợp này, các thành viên hành nội có nhiệm vụ các thành viên Hội đồng Quản trị đồng lập.

9. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại các thành phần trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết tại các thành phần;
- b) Ủy quyền cho người khác đồng lập và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức ủy quyền, bằng điện thoại hoặc hình thức khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết các thành phần thông qua thư, fax, điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết các thành phần thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đóng trong phong bì dán kín và phải chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ có giá trị nếu ghi rõ họ tên cá nhân và họ tên.

11. Biểu quyết

- a. Trường hợp nhất là từ khoản 11 điều 15 Quy chế này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người ủy quyền theo quy định tại khoản 8 điều này có một phiếu cách cá nhân tại các thành phần Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tổng thành viên tại thời điểm có thể thực hiện các thành phần Hội đồng Quản trị về những quy định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại điều khoản 11 điều 15 Quy chế này, khi có sự phát sinh tại các thành phần liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tịch là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chặt chẽ công bố;
- d. Thành viên Hội đồng Quản trị hàng loạt tham dự các quy định tại điều 6 và điều 42 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng;
- e. ~~Kiểm soát viên có quyền đồng lập Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.~~

12. Thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm giám sát các hàng loạt tham dự hoặc giao dịch đã ký kết hoặc đăng ký ký kết với Công ty và biểu thị bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại các thành phần ưu tiên của Hội đồng Quản trị hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị không biểu thị bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm tham dự, giao dịch ký kết với Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại các thành phần ưu tiên của Hội đồng Quản trị.



tính chất sau khi thành viên này bị trừ nợ mình có lợi ích hoặc có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên có quyền quy định khác đối với và bị quy định của các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu các thành viên đồng thuận; trừ trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty.

Nghị quyết theo hình thức ủy quyền bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của các thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức in khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên đồng thuận hoặc không đồng ý quy định họp và cách thức đồng thuận; họ, tên các thành viên không đồng thuận và lý do;
- e) Văn bản thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên đồng thuận theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Văn bản được thông qua và tất cả biểu quyết thông qua tại buổi họp;
- i) Họ, tên, chữ ký, chức vụ và nội dung ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản hoặc ký biên bản không phải là thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có ý kiến nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên b ả n l ả p b ả ng t ả ng Vi t ả và b ả ng t ả ng n ả c ngo ả i c ả h ả u l ả c p ả p l ả y nh ả u. Tr ả ng h ả p c ả s ả kh ả c nh ả u v ả n ả i d ả ng gi ả bi ả n b ả n b ả ng t ả ng Vi t ả và b ả ng t ả ng n ả c ngo ả i th ả n ả i d ả ng trong bi ả n b ả n b ả ng t ả ng Vi t ả c ả p d ả ng.

## CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Hội đồng báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các mục a, b và c khoản 1 điều này phải gửi Ban kiểm soát thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Hội đồng thường niên nếu Hội đồng Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải gửi Hội đồng trước ngày khai mạc cuộc họp Hội đồng thường niên. Công sở hoặc phòng của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quy định mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chức năng hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quy định thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công của nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị đề tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Hội đồng quy định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp, được ghi nhận thành mức riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Hội đồng thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được vì điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của thành viên Hội đồng quản trị, có thể được thêm thù lao dựa trên mức độ công việc bổ sung theo từng lần, tháng, hoặc năm, phù hợp với nhu cầu đặc thù khác theo quy định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền thanh toán tất cả các chi phí liên quan, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm các chi phí phát sinh trong việc điều

tham dự các cuộc họp hội đồng, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể là Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của hội đồng. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và nội bộ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trên hợp lệ Công ty không có quy định khác biệt, việc công khai lợi ích và nghĩa vụ liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ, số chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sự phụ thuộc góp vốn hoặc cổ phần; tài sản và thị trường huy động vốn góp vốn hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ, số chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có nghĩa vụ liên quan của họ cùng sự hỗ trợ hoặc sự hỗ trợ riêng phần vốn góp vốn hoặc cổ phần trên 10% vốn nội bộ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 điều này phải thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sự sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác thực hiện công việc đại diện hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty phải ghi rõ trình bày chi tiết, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chấp nhận thực hiện khi các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được thuộc về Công ty.

## CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau và vẫn có liên quan trong quá trình xử lý công việc của phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị của phân công chịu trách nhiệm chính phối hợp phối hợp xử lý, nếu có vẫn liên quan đến nhau và do thành viên Hội đồng quản trị khác phối hợp. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải có lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Vì vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết Tổng Giám đốc và ban máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và công bằng, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo từ Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

## CH NG VII. I U KHO N THI HÀNH

i u 23. Hi u l c thi hành

Quy ch h o t ng c a H i ng qu n tr Công ty c ph n C p thoát n c Lâm ng bao g m 7 ch ng, 23 i u và có hi u l c thi hành k t ngày ... tháng ... n m 2021.

TM. H I NG QU N TR  
CH T CH

(Ký, ghi rõ h tên và óng d u)

CÔNG TY CỔ PHẦN  
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

S :

....., ngày ... tháng ... năm 2021

## QUY ĐỊNH

Ban hành Quy định nội dung của Ban Kiểm soát

Công ty Cổ phần Công thoát nước Lâm Đồng

### BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

- Căn cứ Luật Kế toán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị quyết 155/2020/N-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kế toán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung quản trị công ty áp dụng tại công ty để thực hiện Nghị quyết 155/2020/N-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kế toán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Công thoát nước Lâm Đồng;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số ..... ngày .....

## QUY ĐỊNH

Điều 1. Thành nội dung “Quy định nội dung của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công thoát nước Lâm Đồng”.

Điều 2. Trình tự và nội dung thông qua “Quy định nội dung của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công thoát nước Lâm Đồng” tại Hội đồng thành viên năm 2021.

Điều 3. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng Ban chức năng, nhân viên thu cước và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quy định này./.

Nhìn n:

TM. BAN KIỂM SOÁT

- Nhân viên 4;

TRƯỞNG BAN

- Lưu VT.

## QUY CH HO T NG C A BAN KI M SOÁT

### CÔNG TY C PH N ....

- C n c Lu t Ch ng khoán ngày 26 tháng 11 n m 2019;
- C n c Lu t Doanh nghi p ngày 17 tháng 6 n m 2020;
- C n c Ngh nh s 155/2020/N -CP ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a Chính ph quy nh chi ti t thi hành m t s iêu c a Lu t Ch ng khoán;
- C n c Thông t s 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a B tr ng B Tài chính h ng d n m t s i u v qu n tr công ty áp d ng i v i công ty i chứng t i Ngh nh s 155/2020/N -CP ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a Chính ph quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Ch ng khoán;
- C n c i u l Công ty C ph n ...;
- C n c Ngh quy t i h i ng c ông s ... ngày ... tháng ... n m 2021;
- C n c Ngh quy t Ban Ki m soát s ... ngày ... tháng ... n m 2021 v vi c ban hành Quy ch ho t ng c a Ban Ki m soát.



## M ̣ C L ̣ C

NH ̣ NGH ̣ A VÀ CÁC THU ̣ T NG ̣ .....	4
CH ̣ NG I - QUY ̣ NH ̣ CHUNG .....	4
i u 1. Ph ̣ m vi ̣ i u ch ̣ nh và ̣ i t ̣ ng áp d ̣ ng.....	4
i u 2. Nguyên t ̣ c ho t ̣ ng c ̣ a Ban ki ̣ m soát .....	4
CH ̣ NG II - THÀNH VIÊN BAN KI ̣ M SOÁT .....	5
i u 3. Quy ̣ n, ngh ̣ a v ̣ và trách nhi ̣ m c ̣ a thành viên Ban Ki ̣ m soát.....	5
i u 4. Nhi ̣ m k ̣ và s ̣ l ̣ ng thành viên Ban ki ̣ m soát.....	5
i u 5. Tiêu chu ̣ n và ̣ i u ki ̣ n thành viên Ban ki ̣ m soát .....	5
i u 6. Tr ̣ ng Ban ki ̣ m soát.....	6
i u 7. ̣ ng c ̣ , ̣ c thành viên Ban ki ̣ m soát .....	6
i u 8. Cách th ̣ c b u, mi ̣ n nhi ̣ m, b ̣ i nhi ̣ m thành viên Ban ki ̣ m soát.....	7
i u 9. Các tr ̣ ng h ̣ p mi ̣ n nhi ̣ m, b ̣ i nhi ̣ m thành viên Ban ki ̣ m soát.....	7
i u 10. Thông báo v ̣ b u, mi ̣ n nhi ̣ m, b ̣ i nhi ̣ m thành viên Ban ki ̣ m soát .....	8
CH ̣ NG III - BAN KI ̣ M SOÁT .....	9
i u 11. Quy ̣ n, ngh ̣ a v ̣ và trách nhi ̣ m c ̣ a Ban ki ̣ m soát.....	9
i u 12. Quy ̣ n ̣ c cung c ̣ p thông tin c ̣ a Ban ki ̣ m soát.....	11
i u 13. Trách nhi ̣ m c ̣ a Ban ki ̣ m soát trong vi ̣ c tri ̣ u t p h ̣ p b ̣ t th ̣ ng ̣ i h ̣ i ng c ̣ ông.....	11
CH ̣ NG IV - CU ̣ C H ̣ P BAN KI ̣ M SOÁT.....	13
i u 14. Cu ̣ c h ̣ p c ̣ a Ban ki ̣ m soát .....	13
i u 15. Biên b ̣ nh p Ban ki ̣ m soát.....	13
CH ̣ NG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI L ̣ I ÍCH.....	14
i u 16. Trình báo cáo hàng n ̣ m.....	14
i u 17. Tì n l ̣ ng và quy ̣ n l ̣ i khác .....	14
i u 18. Công khai các l ̣ i ích liên quan .....	15
CH ̣ NG VI - M ̣ I QUAN H ̣ C ̣ A BAN KI ̣ M SOÁT.....	16
i u 19. M ̣ i quan h ̣ gi ̣ a các thành viên Ban ki ̣ m soát.....	16
i u 20. M ̣ i quan h ̣ v ̣ i ban ̣ i u hành .....	16
i u 21. M ̣ i quan h ̣ v ̣ i H ̣ i ̣ ng qu ̣ n tr ̣ .....	16
CH ̣ NG VII - I ̣ U KHO ̣ N THI HÀNH .....	17
i u 22. H ̣ i u l ̣ c thi hành.....	17

## NH NGH A VÀ CÁC THU T NG

Trong Quy chế này, nh ng thu t ng đ i ấ y c hi u nh sau:

1. Thành viên Ban kiểm soát là Kiểm soát viên.

## CH NG I - QUY NH CHUNG

i u 1. Phạm vi i u ch nh và i t ớng áp d ớng

1. Phạm vi i u ch nh: Quy chế hồ t ớng của Ban kiểm soát quy nh c c u t ch c nhân s , tiêu chu n, i u ki n, quy n và ngh a v c của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy nh t i Lu t Doanh nghi p, i u l công ty và các quy nh khác có liên quan.

2. i t ớng áp d ớng: Quy chế hồ t ớng của Ban kiểm soát c áp d ớng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

i u 2. Nguyên t c hồ t ớng của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm vi c theo nguyên t c t p th . Các thành viên của Ban kiểm soát ch u trách nhi m cá nhân v ph n vi c của mình và cùng ch u trách nhi m tr c i h i ớng công, tr c pháp lu t v các công vi c, quy t nh của Ban Kiểm soát.

## CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quy định, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ pháp luật, nội quy công ty, nghị quyết nội bộ công ty và các quy định trong các văn bản quy định và nghĩa vụ công giao.
2. Thực hiện quy định và nghĩa vụ công giao một cách trung thực, cẩn trọng, tận tâm nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và công đồng; không lợi dụng quyền, chức vụ và sự đáng tin cậy, bí quyết, kinh doanh, tài sản khác của Công ty để lợi dụng quyền lợi ích cá nhân, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và nội quy công ty; trong đó có quy định về các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.
5. Trừng phạt vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trừng phạt phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong các văn bản quy định và nghĩa vụ công giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người (t=03-n=05-ng-i). Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là công đồng của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên thuộc giới Việt Nam.
4. Trừng phạt thành viên Ban Kiểm soát có cùng thẩm quyền thực hiện nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa bầu thì thành viên Ban kiểm soát phải hết nhiệm kỳ và tiếp tục thực hiện quy định và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a) Không thuộc diện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Chưa có mặt trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kỹ thuật, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gần gũi với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là công nhân viên lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán độc lập thu nhận thù lao kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và [điều lệ công ty].

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 điều 169 của luật doanh nghiệp.

Điều 6. Trường Ban kiểm soát

1. Trường Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kỹ thuật, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trường Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; vì công bằng, minh bạch, bất kỳ theo nguyên tắc đa số.

3. Quy định và nghĩa vụ của Trường Ban kiểm soát do điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Thành viên Ban kiểm soát

1. Công nhân viên nhóm công suất [10%] tổng số công nhân viên thông qua [mặt trận khác nhau theo quy định của điều lệ công ty] có quyền ứng cử vào Ban kiểm soát. Công nhân viên có quyền biểu quyết có quyền biểu quyết quy định quy định biểu quyết của tổng số công nhân viên và các Thành viên Ban kiểm soát. Công nhân viên nhóm công suất 10% và 30% số công nhân viên có quyền biểu quyết của công nhân viên (01) Kiểm soát viên; từ 30% và 40% của công nhân viên hai (02) Kiểm soát viên; từ 40% trở lên và 50% của công nhân viên ba (03) Kiểm soát viên; từ 50% và 60% của công nhân viên (04) Kiểm soát viên từ 60% trở lên của công nhân viên (05) công nhân viên.

2. Trường hợp số lượng thành viên Ban kiểm soát thông qua của công nhân viên không đáp ứng số lượng theo quy định tại khoản 5 điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát công nhân viên mời thêm công nhân viên. Việc Ban Kiểm soát công nhân viên

nhiệm vụ gì thì ưu tiên thêm các viên phụ trách công bố rõ ràng trước khi tiến hành công bố ưu quy định thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện quy định của tiến hành công bố.

2. Việc bầu quy định thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bỏ phiếu, theo số mục công bố tổng số phiếu bầu quy định tổng số ứng cử viên của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và công bố quy định danh sách ứng cử viên của mình cho một hoặc nhiều ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên xác nhận theo số phiếu bầu tính toán cao nhất, bất luận các ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi số thành viên quy định tiến hành công bố. Trường hợp có 02 ứng cử viên trở lên cùng số phiếu bầu thì tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định trong quy chế bầu cử của công ty.

3. Nếu số ứng cử viên nhậm chức hoặc bỏ phiếu thành viên Ban Kiểm soát của bầu thì việc bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức bỏ phiếu như quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức bầu quy định (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Trường hợp bầu quy định thông qua theo phương thức bầu quy định thực hiện theo Khoản 2 Điều 20 Điều lệ công ty

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Tiến hành công bố miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có nợ thuế và chi phí thu;

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty quy định.

2. Tiến hành công bố bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc phân công;

b) Không thực hiện quy định và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tiếp, trễ trễ công bố bất kỳ kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trình bày khác theo quy định hiện hành.

Điều 10. Thông báo về buổi, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trình bày xác nhận của các viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các viên kiểm soát ít nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp hiện hành công bố trên trang thông tin internet của Công ty công bố có thể tìm hiểu về các viên này trước khi bỏ phiếu, các viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân công bố và phải cam kết thể hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến các viên Ban Kiểm soát công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

    ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định nội bộ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà các viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của các viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả buổi, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thể hiện theo các quy định nội bộ công bố thông tin.

## CHƯƠNG III - BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quy định, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ tin cậy trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính chính xác, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định nội dung hợp lý, chính xác, công bằng, trung thực. Rà soát hợp đồng, giao dịch và những việc có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị và đề nghị ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quy định nội dung công đồng hoặc theo yêu cầu của công đồng hoặc nhóm công đồng quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của công đồng hoặc nhóm công đồng quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những nội dung yêu cầu kiểm tra nội dung Hội đồng quản trị và công đồng hoặc nhóm công đồng có yêu cầu. Báo cáo kết quả kiểm tra của Ban kiểm soát phải lập báo cáo về nội dung và phải bao gồm các nội dung sau: về nội dung kiểm tra, mục đích kiểm tra; thời gian kiểm tra; thành viên Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra; các tài liệu đã kiểm tra; kết quả kiểm tra; đánh giá của Ban kiểm soát về việc nội dung kiểm tra. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Khi nghi ngờ Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị bị vi phạm pháp luật, bị trục trặc, bị thiếu hụt về tài chính, quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản

tr, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có ghi i pháp kh c  
ph c h u qu .

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp i h i ng c ông, H i ng  
qu n tr và các cuộc họp khác của Công ty.

10. S d ng t v n c l p, b ph n ki m toán n i b c a Công ty th c hi n nhi m  
v c giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của H i ng qu n tr tr c khi trình báo  
cáo, k t lu n và ki n ngh lên i h i ng c ông.

12. Kiểm tra tài vụ n c th liên quan n qu n lý, i u hành ho t ng c a Công  
ty theo ngh c a c ông.

13. Yêu cầu H i ng qu n tr ph i tri u t p h p b t th ng i h i ng c ông.

14. Thay thế H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ông trong th i h n 30  
ngày trong trường hợp H i ng qu n tr không tri u t p h p i h i ng c ông  
theo quy nh t i kho n 3 i u 140 Lu t Doanh nghi p.

15. Ngh Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p h p H i ng qu n tr .

16. Xem xét, trích l c, sao chép m t ph n ho c toàn b n i dung kê khai Danh sách  
ng i có liên quan và l i ích có liên quan c kê khai quy nh t i kho n 1 và kho n  
2 i u 164 Lu t Doanh nghi p.

17. xu t và ki n ngh i h i ng c ông phê duy t danh sách t ch c ki m toán  
c ch p thu n th c hi n ki m toán Báo cáo tài chính của Công ty; t ch c ki m  
toán c ch p thu n th c hi n ki m tra các ho t ng c a Công ty khi xét th y c n  
thi t.

18. Ch u trách nhi m tr c c ông v ho t ng giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, vi c tuân th pháp lu t của thành viên H i  
ng qu n tr , T ng Giám c, ng i qu n lý khác trong các ho t ng.

20. m b o ph i h p ho t ng v i H i ng qu n tr , T ng Giám c và c ông.

21. Trường hợp phát hi n hành vi vi phạm pháp lu t ho c vi phạm i u l công ty của  
thành viên H i ng qu n tr , T ng Giám c và ng i i u hành doanh nghi p khác,  
Ban kiểm soát ph i thông báo b ng v n b n cho H i ng qu n tr trong vòng 48 gi ,  
yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có ghi i pháp kh c ph c h u  
qu .

22. Xây dựng Quy chế ho t ng của Ban kiểm soát và trình i h i ng c ông  
thông qua.



23. Chức năng Nhiệm vụ quản trị các khoản phí và lập biên bản kiểm soát nội bộ của Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lý kiến công bằng và bản thông qua nghị quyết của Hội đồng.

24. Trường Ban kiểm soát đi hành vi Hội đồng bầu cử các thành viên và vị trí trong trường hợp Chủ tịch và giám đốc điều hành làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu cử làm chủ tịch. Trường hợp này, nghị có sự phê chuẩn của Hội đồng.

25. Chức năng các quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, đi u 1 Công ty và Nghị quyết của Hội đồng.

đi u 12. Quy định cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức đi vị thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, đi u lý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quy định và biên bản họp của Hội đồng, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty liên quan tới các chính sách, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền nắm bắt làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giới hạn làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu và công tác quản lý, đi u hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

đi u 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc tri u t p h p b t th ng đi vị Hội đồng

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị tri u t p h p đi vị Hội đồng trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không tri u t p h p đi vị Hội đồng trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của Hội đồng hoặc nhóm Hội đồng quy định tại khoản 2 đi u 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường thì Hội đồng của Ban kiểm soát  
nhưng Hội đồng quản trị không thể hiện, thì Trưởng hội đồng công ty có quyền  
khác.

2. Trưởng hội đồng Ban kiểm soát không triệu tập họp Hội đồng theo quy định  
thì Ban kiểm soát phải báo cáo thì mới phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Hội đồng theo quy định thì khoản  
chi phí này sẽ do Công ty hoàn trả.

## CHƯƠNG IV - CỤC H P BAN KI M SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Giám đốc kế toán trưởng tham dự và trình bày các vấn đề cần làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát phải chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

## CHƯƠNG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp hội đồng thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trình hội đồng thông qua tại cuộc họp hội đồng thường niên.
2. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tờ kê các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mới phần trăm (50%) trở lên với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát nội vụ Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sơ bộ về hoạt động của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các công đồng.
8. Xu hướng và kiến nghị hội đồng phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán độc lập thu nhận thẩm định kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán độc lập thu nhận thẩm định kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thực hiện thi t.

Điều 17. Tín dụng và quy định khác

Tín dụng, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát thực hiện tín dụng, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định của hội đồng. Hội đồng quy định mức tín dụng, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát thực hiện thanh toán chi phí n, , lệ phí, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn lập dự án chi phí. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã đề nghị ngân sách công bố thu nhập, trừ những chi phí ngân sách công bố quy định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải công bố thành phần riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tên và thời gian làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ liên quan có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 điều này phải thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải công bố thông tin trong Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung thông tin.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát phải công bố thông tin có liên quan của mình về lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên nhóm mẹ chi phối trên (50%) trở lên vốn điều lệ và thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Hội đồng công bố hoặc Hội đồng quản trị công bố thu nhập, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các quy định này theo quy định của pháp luật về kế toán và công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ thực hiện các giao dịch có liên quan.

## CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau, không có sự liên hệ, cùng tác động trong công việc chung nhằm bảo vệ lợi ích tốt nhất của công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người chịu trách nhiệm chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là nhân viên thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là nhân viên thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

## CH NG VII- I U KHO N THI HÀNH

i u 22. Hi u l c thi hành

Quy ch h o t ng c a Ban ki m soát Công ty c ph n C p thoát n c Lâm ng bao g m 7 ch ng, 22 i u và có hi u l c thi hành k t ngày ... tháng ... n m 2021.

TM. BAN KI M SOÁT

TR NG BAN

(Ký, ghi rõ h tên và óng d u)